



(Kèm theo Thư mời số 580/HM-BVP ngày 02/07/2025 của Bệnh viện Phổi Nghệ An)

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
1	VT001	Ambu bóp bóng người lớn	01 cái/túi	Bộ	Ambu bóp bóng người lớn	50
2	VT002	Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước 24mm x 55mm	20 cuộn/thùng 24mm x 55mm	Cuộn	Băng keo chỉ thị nhiệt, 24mmx55mm, vạch chỉ thị chuyển Trắng ngà sang Nâu sẫm/đen, chứa chất bám dính 10-20%, chất dẻo acrylic polymer 2-5%. Không chứa chì. Đạt tiêu chuẩn FDA, nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Không đổi màu sau ít nhất 6 tháng tiệt khuẩn.	40
3	VT003	Băng cuộn y tế 10cm x 5m	10 cuộn. Gói	Cuộn	Chất liệu sợi cotton. Gạc màu trắng, không ố vàng, không mốc, cuộn chắc, có giấy bao ngoài kín. Hai đầu cuộn băng phải bằng, không lệch, không được có xơ. Kích thước: Chiều dài: 5 m ± 0,2 m Chiều rộng: 10 cm ± 0,4 cm Độ lệch : Không được lệch quá 5 sợi mỗi bên (trừ 2 – 3 cm cuối cuộn). Mật độ sợi: Trên một centimet vuông có 10 sợi dọc, 8 sợi ngang. Tốc độ hút nước: Thời gian chìm trong nước không quá 10 giây. Mất khối lượng do làm khô: không quá 8,5%	3.000
4	VT004	Băng cuộn y tế 10cm x 5m	10 cuộn/túi	Cuộn	Chất liệu sợi cotton hoặc tương đương. Kích thước: ≥ 10cm x 5m.	200
5	VT005	Băng dính 5cm x 5m	Hộp 1 cuộn	Cuộn	Băng băng vải lụa Taffeta phủ keo, màu trắng. 100% sợi cellulose acetat. Keo oxide kẽm. Lõi nhựa liền cánh bảo vệ. Kích thước 5cm x 5m. Tiêu chuẩn CE, được lưu hành tại 2 nước: Úc và Bungari,	10.000
6	VT006	Băng dính cá nhân	100 cái/hộp	Cái	Thành phần: băng vải, gạc, chất dính Kích thước tối thiểu: 1,9 cm x 7,2 cm	150.000
7	VT007	Băng ghim cấy khâu nối nội soi dùng cho mô trung bình/dày, chiều dài 45mm	06 Cái/Hộp	Cái	Băng ghim cấy khâu dùng cho mô nội soi ghim chất liệu titanium. Chiều dài băng ghim là 45mm. Băng ghim nội soi loại gấp góc dùng cho mô trung bình; dày, 3 hàng ghim so le nhau chiều cao thay đổi mỗi bên với chiều cao ghim mở lần lượt từ ngoài vào trong là 4mm - 3.5mm - 3mm; chiều cao ghim đóng là 1.75mm-1.5mm-1.25mm. Khoảng đóng mô là 2.25mm - 1.5mm. Băng ghim có khả năng gấp góc 45 độ và 5 điểm gấp góc mỗi bên. Lưỡi dao luôn mới với mỗi đường cắt.	20



STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
8	VT008	Băng ghim cắt khâu nối nội soi dùng cho mô trung bình/dày, chiều dài 60mm	06 Cái/Hộp	Cái	Băng ghim cắt khâu dùng cho mô nội soi ghim chất liệu titanium. Chiều dài băng ghim là 60mm. Băng ghim nội soi loại gấp góc dùng cho mô trung bình/ dày, 3 hàng ghim so le nhau chiều cao thay đổi mỗi bên với chiều cao ghim mở lần lượt từ ngoài vào trong là 4mm - 3.5mm - 3mm; chiều cao ghim đóng là 1.75mm-1.5mm-1.25mm. Khoảng đóng mở là 2.25mm - 1.5mm. Băng ghim có khả năng gấp góc 45 độ và 5 điểm gấp góc mỗi bên. Lưỡi dao luôn mới với mỗi đường cắt.	20
9	VT009	Băng keo lụa 5cm x 5m	Hộp 1 cuộn	Cuộn	Keo: Oxyd kẽm không dùng dung môi. Keo an toàn không gây dị ứng. Lời: liền với cánh bảo vệ được làm từ nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn. Băng: Vải lụa Taffeta màu trắng, 100% sợi cellulose acetate, mềm mại với độ bền kéo mạnh, dễ xé ngang dọc, trọng lượng 80-90g/m ² . Độ phủ keo 50- 60g/m ² , số sợi 44x18/cm, lực dính 1.8 – 5.5 N/cm. Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485	5.000
10	VT010	Băng keo thun co giãn	1 cuộn/ hộp	Cuộn	- Băng thun màu trắng, 100% sợi cotton, độ co giãn ≥ 90% - Keo hỗn hợp phù đều chứa Zinc oxide, Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Lanolin stellux A1PF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. - Lực dính 2-9 N/cm. - Kích thước rộng 10cm , dài 4.5m	1.500
11	VT011	Bình hút dịch 2 vòi (Bình hút dịch 2 vòi)		Bình	*Chai được làm bằng polypropylene(PC), có thể được hấp khử trùng *Nắp đầy chặt, đúng thể tích, đảm bảo kín *Bình chứa có vạch chia thể tích *Có thể tái sử dụng	50
12	VT012	Bình làm ẩm oxy gắn tường		Cái	- Bình làm bằng polythylene hoặc tương đương dung tích 200ml. - Nắp bình bằng chất liệu nhựa polycarbonate hoặc tương đương có độ bền cao.	50
13	VT013	Bộ áo phẫu thuật các cỡ		Bộ	Chất liệu vải: Vải không dệt 5 lớp SMMMS cao cấp chống thấm cồn, chống tĩnh điện và chống thấm chất lỏng cấp độ 3, không có bụi vải.Trọng lượng ≥ 45 gsm. Kích thước: 150 x 125 / 160 x 135 cm (± 5 cm)	300
14	VT014	Bộ dây máy thở	Túi 01 bộ	Bộ	Bộ dây máy thở tiết trùng, co giãn theo yêu cầu, có thể kéo giãn gấp 3 lần. Độ bền cao, thiết kế linh hoạt, gồm 4 đoạn dây với kích thước và đầu nối khít chuẩn 22mmF, chiều dài ≥1,6m, 02 bể bọt nước trong suốt, cơ khuấy xoay nối tiêu chuẩn 15 và 22mm. Có cơ nối thẳng riêng, kèm filter 3 chức năng	1.200
15	VT015	Bộ dây truyền dịch (kim 1 cánh bướm các số)	500 bộ/kiện	Bộ	Dây dẫn chính dài 1500mm, được làm từ nhựa nguyên sinh PVC. Chúng nhận đặt không có chất gây tan huyết. Có cổng tiêm thuốc. Đầu nối kim thiết kế khóa vặn để khóa chặt kim (Luer lock). Van thoát khí có thiết kế màng lọc khuẩn ; 0.2µm vô khuẩn. Bầu đếm giọt dung tích ≥ 8.5ml, có màng lọc dịch 15µm. ; Kim 1 cánh bướm 22G ; Tiết trùng . Tiêu chuẩn TCVN 6591-4-2008; EN ISO 13485, CE. Đạt tối thiểu 01 CFS được cấp bởi các nước tham chiếu theo quy định tại điều 29 Nghị định 98/2021/NĐ-CP. Xuất xứ Việt Nam	250.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
16	VT016	Bộ dây truyền dịch (kim 2 cánh bướm các số)	Túi 1 bộ x 500 bộ/ kiện	Bộ	Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Chứng nhận đạt không có chất gây tan huyết. Kim 2 cánh bướm có các cỡ 22G, 23G. Độ dài dây dẫn $\geq 1500\text{mm}$. Có van khoá điều chỉnh, Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích $\geq 8.5\text{ml}$. Có bầu cao su tiếp thuốc. Tiêu chuẩn TCVN 6591-4:2008; EN ISO 13485, CE. Đạt tối thiểu 01 CFS được cấp bởi các nước tham chiếu theo quy định tại điều 29 Nghị định 98/2021/NĐ-CP. Xuất xứ Việt Nam	300.000
17	VT017	Bộ đo huyết áp xâm lấn		Bộ	Bộ đo áp lực động mạch xâm lấn 1 đường 2 trong 1 với dây nối phụ, loại cho người lớn - Thông số cảm biến: Bảo vệ quá áp 6464mmHg, thời gian hoạt động: 168 giờ - Dây đo và dây truyền dịch nguyên liệu PVC cao cấp, không DEHP + Dây đo ID=1.6mm, OD=3.2mm, gồm 2 đoạn: đoạn chính (màu đỏ) dài 180cm và đoạn dây nối phụ (màu xanh) dài 150cm. Dây chính kèm 2 khóa 4 ngã + Dây truyền dịch ID=2.9mm, OD= 4.1mm, dài 180cm, buồng nhỏ giọt 60mm, màng lọc 15micron. - Độ nhạy: $5,0\mu V/V/mmHg \pm 1\%$. Áp suất hoạt động: -30 đến 300 mmHg. Phi tuyến tính và độ trễ: $\pm 1\text{mmHg}$. Trở kháng đầu ra: 270-330 ohms, độ trễ tại $0 \leq 2\text{mmHg}/8\text{ giờ}$ - Cung cấp cáp nối tương thích với monitor mà bệnh viện đang sử dụng. - Có tối thiểu 1 CFS thuộc châu Âu	30
18	VT018	Bộ gây tê ngoài màng cứng		Bộ	- Kim Tuohy cỡ 18G dài 90mm có cánh và vạch đánh dấu mỗi 1cm; được mài mặt trong giảm sắc chống đứt gãy catheter và luồn catheter dễ dàng hơn. - Catheter cỡ 20G dài 100mm có cân quang vật liệu 100% Polyurethane tương thích cơ thể cao nhất; đầu tip đóng và có 3 lỗ bên lan tỏa thuốc. - Bộ phận kết nối catheter dạng vận xoắn 2 chiều chống tuột ống thông mà vẫn tháo lắp dễ dàng (được cấp bằng sáng chế). - Bơm tiêm LOR cỡ 10ml thiết kế miếng đệm đôi giảm kháng lực và thao tác rất nhẹ nhàng trơn mượt (được cấp bằng sáng chế). - Phụ kiện filter lọc khuẩn 0.2 micron; dẫn hướng catheter... đi kèm.	30
19	VT019	Bộ giảm đau ngoài màng cứng		Bộ	- Kim đầu cong Tuohy G18 dài 3 1/4", chuỗi kim trong suốt, có nhiều rãnh chắc chắn - Catheter tối thiểu bằng polyamid trong suốt không bị gãy gập, dài 1000mm, có đường cân quang ngầm, đầu catheter có 3 lỗ thoát thuốc - Đầu nối catheter dạng nắp bật, tránh tình trạng vận quá mức gây tắc catheter - Bơm tiêm giảm kháng lực LOR (Loss of Resistance) giúp xác định khoảng ngoài màng cứng dễ dàng và chính xác - Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.2 μm , tiêm thuốc an toàn và vô khuẩn, miếng dán cố định màng lọc	30
20	VT020	Bộ hút đờm kín	Túi 1 bộ	Bộ	Bộ hút đờm kín cho phép sử dụng trong 72 giờ liên tục. Công MDI cấu tạo van 1 chiều, các số.	1.200
21	VT021	Bộ mặt nạ Venturi		Bộ	- Mặt nạ và ống oxy làm từ PVC, co nối làm từ vật liệu PP - Dây oxy dài 2m - Có 6 Venturi: 24%, 28%, 31%, 35%, 40%, 50%	100

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
22	VT022	Bộ máy đo đường huyết		Bộ	Máy xét nghiệm đường huyết Phương pháp xét nghiệm: điện hoá Phạm vi cho kết quả: 10 - 600 mg / dL (0.6 – 33.3 mmol / L) Kích thước: 47x95x17.5 (mm) Khối lượng: 47.5g (có pin) Màn hình: LCD Bộ nhớ: 500 kết quả kèm ngày giờ. Đánh dấu kết quả trước và sau bữa ăn Tự động tắt. Cảnh báo hạ đường huyết Nhiệt độ hoạt động: 10°C - 45°C (50°F - 113°F) Sử dụng cùng que thử SD CodeFree™ Blood glucose Test Strip	40
23	VT023	Bộ tiêm truyền tĩnh mạch trung tâm 3 nòng các cỡ	Túi 1 bộ	Bộ	Gồm : catheter, kim lườn, dây dẫn, que nong, dao mổ, nắp dây đầu catheter, bơm tiêm 5ml, catheter 3 nòng, thẳng hoặc cong, làm từ chất liệu polyurethane, kích thước 5Fx 16cm, 7F x 20 cm, 7F x 16cm catheter, có độ dài được đánh dấu, đường cán quang rõ nét.	1.500
24	VT024	Bơm cho ăn sử dụng một lần 50ml	Túi 1 cái	Cái	Bơm tiêm có thể tích: 50ml (dùng để cho ăn). - Ruột bơm tiêm (pit tông) dễ hút và bơm thuốc. - Đốc xy lanh to nắp vừa dây cho ăn và có nắp đẩy. - Được vô trùng bằng khí EO, không độc, không có chất gây sốt (pyrogene), sử dụng một lần. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	2.000
25	VT025	Bơm cho ăn sử dụng một lần 50ml	Túi 1 cái	Cái	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP, đốc to lắp vừa dây cho ăn . Vô trùng. Tiêu chuẩn chất lượng: TCVN 5903. Xuất xứ Việt Nam	3000
26	VT026	Bơm kim tiêm nhựa sử dụng một lần 10ml	Túi 1 cái	Cái	Bơm tiêm có thể tích: 10ml. - Đóng gói kín, từng chiếc. Tiệt trùng bằng khí EO - Vật liệu làm đốc kim, nắp dây đầu kim, piston và xilanh: Là nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế - Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa	300.000
27	VT027	Bơm kim tiêm nhựa sử dụng một lần 10ml	Túi 1 cái	Cái	Bơm tiêm nhựa 10 ml. Có Kim. Có loại cỡ kim 23G, 25G. Pit tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, EN ISO 13485, CE. Đạt tối thiểu 01 CFS được cấp bởi các nước tham chiếu theo quy định tại điều 29 Nghị định 98/2021/NĐ-CP. Xuất xứ Việt Nam	300000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
28	VT028	Bơm kim tiêm nhựa sử dụng một lần 20ml	Túi 1 cái	Cái	Bơm tiêm có thể tích: 20ml. - Đóng gói kín, từng chiếc. Tiệt trùng bằng khí EO - Vật liệu làm thân kim, nắp đầu kim, piston và xilanh: Là nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế - Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa - Đầu kim 3 mặt vát, sắc, độ cứng phù hợp. Đảm bảo liên kết giữa đầu kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường - Gioăng mềm dẻo, bề mặt gioăng nhẵn di chuyển dễ dàng tạo được độ kín khít giữa pittong và xi lanh nên khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng - Dễ dàng quan sát thể tích làm đầy. Vạch chia liều lượng chính xác, rõ ràng - Không có chất gây sốt (pyrogene) trong bơm tiêm Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016; CE	200.000
29	VT029	Bơm kim tiêm nhựa sử dụng một lần 20ml	Túi 1 cái	Cái	Bơm tiêm nhựa 20ml. Có kim, có các cỡ kim 23G; 25G. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng; Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, EN ISO 13485, CE. Đạt tối thiểu 01 CFS được cấp bởi các nước tham chiếu theo quy định tại điều 29 Nghị định 98/2021/NĐ-CP. Xuất xứ Việt Nam	300000
30	VT030	Bơm kim tiêm nhựa sử dụng một lần 50ml	Túi 1 cái	Cái	Bơm tiêm có thể tích: 50ml. - Đóng gói kín, từng chiếc. Tiệt trùng bằng khí EO - Vật liệu làm piston và xilanh: Là nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế	30.000
31	VT031	Bơm tiêm 1ml	Túi 1 cái	Cái	Bơm tiêm có thể tích: 1ml. - Đóng gói kín, từng chiếc. Tiệt trùng bằng khí EO - Vật liệu làm đầu kim, nắp đầu kim, piston và xilanh: Là nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế - Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa - Đầu kim 3 mặt vát, sắc, độ cứng phù hợp. Đảm bảo liên kết giữa đầu kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường - Gioăng mềm dẻo, bề mặt gioăng nhẵn di chuyển dễ dàng tạo được độ kín khít giữa pittong và xi lanh nên khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Dễ dàng quan sát thể tích làm đầy. Vạch chia liều lượng chính xác, rõ ràng - Không có chất gây sốt (pyrogene) trong bơm tiêm Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016; CE	30.000
32	VT032	Bơm tiêm 50ml (không kim)	Túi 1 cái	Cái	Bơm tiêm nhựa 50ml. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, EN ISO 13485, CE. Đạt tối thiểu 01 CFS được cấp bởi các nước tham chiếu theo quy định tại điều 29 Nghị định 98/2021/NĐ-CP. Xuất xứ Việt Nam	20000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
33	VT033	Bơm tiêm 5ml		Cái	Bơm tiêm có thể tích: 5ml. - Đóng gói kín, từng chiếc. Tiệt trùng bằng khí EO - Vật liệu làm đốc kim, nắp đầy đầu kim, piston và xilanh: Là nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế - Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ, có độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa - Đầu kim 3 mặt vát, sắc, độ cứng phù hợp. Đảm bảo liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường - Gioăng mềm dẻo, bề mặt gioăng nhẵn đi chuyển dễ dàng tạo được độ kín khít giữa pittong và xi lanh nên khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Dễ dàng quan sát thể tích làm đầy. Vạch chia liều lượng chính xác, rõ ràng - Không có chất gây sốt (pyrogene) trong bơm tiêm Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016; CE	200.000
34	VT034	Bơm tiêm 5ml	1 cái/túi; Hộp 100 cái	Cái	Bơm tiêm nhựa 5ml. Có kim. Có các cỡ kim 23G; 25G. Pit tông có khía bề gây dễ hủy sau khi sử dụng. Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, EN ISO 13485, CE. Đạt tối thiểu 01 CFS được cấp bởi các nước tham chiếu theo quy định tại điều 29 Nghị định 98/2021/NĐ-CP. Xuất xứ Việt Nam	200000
35	VT035	Bơm tiêm cản quang loại 200ml, 1 nòng	Túi 01 cái	Cái	Ông bơm thuốc cản quang 1 nòng loại 200ml. Bộ đóng gói gồm: 1 bơm tiêm, dây nối 150 cm, ống I. Chịu được áp suất tối đa: 1200 psi. Được làm từ vật liệu polypropylene, polycarbonat, cao su đàn hồi không chứa Latex. Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, tiêu chuẩn CE. Tương thích với máy DC045S Imaxeon của Bệnh viện.	400
36	VT036	Bơm tiêm Insulin	360 cái/thùng	Cái	Bơm tiêm Insulin dung tích 1ml chia vạch theo đơn vị 100UI hoặc 40UI. Bơm tiêm được làm bằng nhựa Polypropylen, không có chất DEHP, không có độc tố và chất gây sốt.Cỡ kim 30G.	5.000
37	VT037	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1ml/cc	1 cái/túi; Hộp 100 cái	Cái	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1ml, làm bằng nguyên liệu nhựa PP (Polypropylene) dùng trong y tế, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa, vạch chia dung tích rõ nét, cỡ kim 23Gx1", 25Gx1", 25Gx5/8", 26Gx1/2"; Kim làm bằng thép không gỉ, kim sắc nhọn, không gỉ, vác 3 cạnh, có nắp đậy, không có độc tố DEHP và chất gây sốt. Sản phẩm đóng gói đảm bảo vô trùng. Tiệt trùng bằng khí E.O. Đạt TCVN 5903:1995; ISO 13485:2016/ EN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015; CE; CFS	50000
38	VT038	Bông hút nước y tế	01kg/gói	Kg	Thành phần: 100% bông xơ thiên nhiên, thành phần chính là Cellulose, Yêu cầu: pH: 5,0 ÷ 8,0, độ ẩm ≤ 8,0, tốc độ hút nước ≤ 10 giây	700
39	VT039	Bông viên fi 15mm không vô trùng		Kg	Bông viên đường kính 15(±1)mm, chất liệu là 100% Bông xơ thiên nhiên dùng trong lĩnh vực y tế. Không vô trùng. Đóng gói 500g/gói.	500

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
40	VT040	Bông viên fi 15mm, vỏ trung		Kg	Bông viên đường kính 15(±1)mm chất liệu là 100% Bông xơ thiên nhiên dùng trong lĩnh vực y tế. Vô trùng. Đóng gói tối đa 25g/gói, đóng trong túi đủ 1kg.	500
41	VT041	Bông viên tiết khuẩn		Kg	Hình cầu, kích thước khoảng Ø3cm, độ thấm tốt, dùng để tiêm truyền, cầm máu.	500
42	VT042	Bột cầm máu 1g	Kít/1g	Kít	* Gồm: 1 lọ bột cầm máu 1g + vòi bơm chữ T 14cm * Chất liệu bột cầm máu: polysaccharide thực vật (APH), được sản xuất theo công nghệ PURE * Có tính siêu ái nước. Tỷ lệ nước hấp thụ: 0.5g bột/50 ml nước khử ion * Độ bám dính màng liên kết tối thiểu 115g. * Tiêu hoàn toàn sau 48 giờ bằng enzyme amylase * Không ảnh hưởng đến chất lượng máu khi truyền máu tự thân * Tiết trùng bằng chiếu xạ.	10
43	VT043	Cán dao mổ các số		Cái	Chất liệu thép không gỉ, các cỡ Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	50
44	VT044	Canuyn mở khí quản 1 nòng có bóng	01 cái/vi	cái	Đã tiết khuẩn, sử dụng một lần, các số, chất liệu bằng nhựa	50
45	VT045	Canuyn mở khí quản 2 nòng	1 bộ/ túi	bộ	Dùng cho bệnh nhân mở khí quản yếu cầu canuyn 2 nòng có cuff, có bóng chèn, có cửa sổ tập nói, có hút trên cuff	100
46	VT046	Catheter động mạch		Bộ	Catheter động mạch Arline bao gồm : catheter 18G dài 8/12cm hoặc 20G dài 4.5cm/8cm, Guide wire 0.035"x 50cm hoặc 0.021"x 20cm, Kim dẫn thẳng 18Ga x 7cm hoặc 20Ga x 4cm , Bơm tiêm 5ml hoặc 2.5ml Đóng gói vô trùng	100
47	VT047	Chai hút dịch 2,5 lít	1 cái/ hộp	cái	Chất liệu bằng thủy tinh trong suốt, không màu, có chia vạch, nút bằng cao su kín, có hai ống dẫn bằng kim loại hoặc bằng nhựa phù hợp dây dẫn dịch, dung tích 2,5 lít.	50
48	VT048	Chất tẩy rửa enzyme		Can	1. Hỗn hợp 5 enzyme Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase, 2. Dùng được cho máy rửa khử khuẩn và ngâm rửa thủ công. Nồng độ sử dụng: từ 0.1% (máy rửa) pH = 6.89-7.29 Thời gian: từ 5 phút Phù hợp với mọi chất lượng nước khác nhau 3. Đạt tiêu chuẩn ISO 11930 (Khả năng kháng khuẩn của sản phẩm) 4. Hiệu quả chống lại màng biofilm vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883 Can ≥ 5 lít.	20

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
49	VT049	Chất tẩy rửa enzyme cho quy trình tẩy rửa thủ công và bằng máy tự động trên dụng cụ y tế, phẫu thuật, nha khoa và dụng cụ nội soi	Can 5 lít	Can	Thành phần chính: Tổ hợp 5 Enzyme (amylase, protease, lipase, cellulase và mannanase): Alpha-Amylase $\leq 5\%$ w/w enzyme Protease: $< 10\%$ w/w, Lipase: $< 1\%$ w/w, Cellulase: $< 1\%$ w/w, mannanase $< 1\%$ w/w PH: 7.5-9.5 Chất hoạt động bề mặt: $< 15\%$ w/w Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	30
50	VT050	Chén lưới nhựa		Cái	* Thiết kế hình dạng giải phẫu, cạnh tròn nhẵn giảm tổn thương * Mã hóa màu theo kích cỡ (có 8 cỡ: đặc biệt với bệnh nhân sơ sinh, trẻ nhỏ) 00/40; 0/50; 1/60; 2/70; 3/80; 4/90; 5/100; 6/110 * Tổng chiều dài phần chống cắn lưỡi: 13.5 đến 24 mm (size:0-5) * Khối lượng airway: 2.3 đến 19.5g (size: 000-6).	1.000
51	VT051	Chỉ Chromic Catgut số 1	24 sợi/ hộp	Sợi	Dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 50 mm. Kim thép 302 phủ silicone. Chỉ làm từ collagen tinh khiết từ thanh mạc ruột bò, sợi chắc, mềm dễ uốn, sợi màu nâu đồng nhất, không đốm trắng, lực căng đứt ≥ 5.7 kgf .Đóng gói bằng giấy tiệt trùng	500
52	VT052	Chỉ Nylon số 3/0b	Hộp 12 sợi	Sợi	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp Nylon - 1 kim, đơn sợi, chất liệu polyamide 6 hoặc polyamide 6.6. Đường kính 3/0, dài 75cm. Kim làm bằng thép không gỉ martensitic 420 (AISI 420), kim Premium, công nghệ U-filo, phủ silicone, đầu tam giác, dài 24mm, cong 3/8 vòng tròn. Bao sơ cấp đặt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC Tiệt trùng bằng Ethylene oxide. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485, ISO 14001. Sản xuất tại Việt Nam.	3.000
53	VT053	Chỉ PDS 3/0 hoặc tương đương		Sợi	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 3/0 dài 75cm kim tròn 26mm. Kim bằng thép không gỉ phủ silicone. Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương.	60
54	VT054	Chỉ phẫu thuật tự tiêu Chromic Catgut số 2/0	Hộp 12 sợi	Sợi	Dài chỉ 75 cm, Kim làm bằng thép không gỉ 302 phủ Silicone, kim tròn, cong 1/2. Chỉ số 2/0 vòng kim 32 mm. Chỉ tiêu tự nhiên Chromic Catgut liên kim, chất liệu Collagen tinh khiết, cấu trúc đơn sợi tan chậm, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 14 - 21 ngày, độ tan 90 ngày.	1.000
55	VT055	Chỉ phẫu thuật tự tiêu Chromic Catgut số 4/0	Hộp 12 sợi	Sợi	Chỉ tan chậm tự nhiên (Chromic Catgut) số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicone, mũi kim sắc bén. Chỉ làm từ collagen tinh khiết từ thanh mạc ruột bò, sợi chắc, mềm dễ uốn. lực căng đứt là 1.20 kgf Đóng gói bằng giấy tiệt trùng.	1.000
56	VT056	Chỉ Polypropylen số 2/0		Sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 2/0, dài 90cm, hai kim tròn, 1/2C. Kim bằng thép không gỉ phủ silicone. Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương	60

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
57	VT057	Chỉ Polypropylen số 3/0		Sợi	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 3/0, dài 90cm, 2 kim tròn, vòng kim 1/2C. Kim bằng thép không rỉ bọc silicone. Độ bền kéo đứt nút hơn 20% - 50% số với USP. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% USP. Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương	60
58	VT058	Chỉ Silk 2/0	Hộp 12 sợi	Tép	Chỉ không tiêu tự nhiên, chất liệu tơ tằm. Chỉ dài 75cm, kim tam giác, được làm bằng thép không gỉ, phủ silicone, cong 3/8. Chỉ số 2/0 vòng kim 26mm	300
59	VT059	Chỉ Silk 3/0	Hộp 30 tép	Tép	Chỉ không tiêu thiên nhiên đa sợi từ các sợi kén của sâu tơ tằm họ Bombyx mori, 3/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 18, chỉ phủ sáp, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicone. Đóng gói tiết trùng. Tiết trùng EO hoặc phương pháp tương đương.	150
60	VT060	Chỉ thị hóa học (Browie-Dick test)	50 cái/hộp	Hộp	- Chỉ thị hoá học loại 5 - Kích thước: $\geq 70 \times 23$ mm - Chuyển màu: vàng đang đen - 100% không chứa các kim loại nặng (Bi, Ni, Pb, Cr, Cu, Co) - Trên miếng chỉ thị có thông tin: số lô, hạn sử dụng, mã QR - Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016; FDA (Hoa Kỳ)	60
61	VT061	Chỉ thị sinh học	50 cái/hộp	Hộp	- Cho kết quả đọc sau: ≤ 20 phút - Chỉ thị hoá học trên ống chuyển sang màu nâu sau tiết trùng - Nắp màu xanh - Thành phần: Mỗi ống chứa $\geq 1 \times 10^6$ Geobacillus stearothermophilus ATCC 7953; và 0.5-0.7 mL dung dịch nuôi cấy - Bảo từ có: giá trị D(121°C): ≥ 2.0 phút; D(135°C): ≥ 15 giây; giá trị z: $\geq 15^\circ\text{C}$; Thời gian tiêu diệt: ở 121°C: ≥ 20.5 phút; ở 132°C ≥ 4.0 phút; - Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016; FDA (Hoa Kỳ)	35
62	VT062	Chỉ Vicryl số 1 hoặc tương đương		Sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Poly-glycolide-co-L-Lactide và calcium stearate số 1/0 dài lớn hơn hoặc bằng 75cm, kim tròn 1/2C dài 40mm, duy trì sức căng $>65\%$ sau 14 ngày, tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim bằng thép không rỉ phủ silicone. Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương	60
63	VT063	Chỉ Vicryl số 2 hoặc tương đương		Sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Poly- glycolide-co-L- Lactide và calcium stearate số 2/0 dài lớn hơn hoặc bằng 75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm, duy trì sức căng $>65\%$ sau 14 ngày, tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim bằng thép không rỉ phủ silicone. Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương	60

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
64	VT064	Clip kẹp mạch máu		Cái	- Chất liệu: polymer không tiêu. Dùng để kẹp các cấu trúc mô dạng ống hoặc mạch máu trong quá trình phẫu thuật để cầm máu khi cần sử dụng các clip không tiêu. - Kẹp được mạch máu cỡ 3 mm đến 16 mm. - Chiều dài chân clip ngoài lần lượt: 9,5-13-17,8mm. Độ dày chân clip: 0,83-1,29mm. Đường kính phần lõi của Clip khi đóng: 1,1-1,2-1,3mm, khi mở: 7,5-10,2-14mm - Có các răng nhọn - gấp góc hai bên sắp xếp so le nghiêng về phía mô bị kẹp. Kiểu khớp động Tiêu chuẩn chất lượng: CE	50
65	VT065	Cloramin B	Thùng 35 kg	Kg	Hàm lượng: Clorine hoạt tính 25% Clorin Dạng bột màu trắng, mùi đặc trưng clo.	200
66	VT066	Cốc đóm		Cái	Dùng để lấy mẫu đóm, miệng rộng, nhựa trắng trong không bị rò rỉ, chất liệu nhựa PVC	150.000
67	VT067	Còn 90 độ	Can >=5lít	Lít	- Hàm lượng Ethanol đạt 90%	1.000
68	VT068	Còn tuyệt đối	Chai 500ml	Chai	Thành phần : Ethanol: 99,5 chất lỏng trong suốt có mùi thơm đặc trưng;. Quy cách: Chai 500 ml; có tem nhãn mác rõ ràng; TCCS số 01/2022;-HN ISO: 13485:2016; HSCB: 220000038/PCBA-BN;	300
69	VT069	Còn y tế 70 độ	Can >=5 lít	Lít	- Hàm lượng Ethanol đạt 70%	8.000
70	VT070	Còn y tế 96 độ	Can >=20 lít	Lít	- Hàm lượng Ethanol đạt 96%	2.000
71	VT071	Cuộn giấy dán Giấy decal, giấy in barcode			Kích thước: 25mm x 15mm Dùng để in tem mã vạch, 10000 tem /Cuộn trở lên	50
72	VT072	Dầu bôi trơn dụng cụ phẫu thuật	Chai 200ml	Chai	Dùng để bôi trơn, bảo dưỡng dụng cụ Tương thích với tiết khuẩn bằng hơi nước Thành phần: Dầu trắng: ≥ 30; Butane, Propane, isobutan: ≥ 5 %; không chứa phụ gia có khả năng gây dị ứng. - Đóng gói dạng chai xịt 200 mL, có kèm vòi xịt (Hoặc tương đương)	12
73	VT073	Dầu soi kính hiển vi	Chai 500ml	Chai	Dùng trong phân tích, quan sát các mẫu bằng kính hiển vi. Quy cách chai 500ml	2
74	VT074	Dây garo	1 cái/ túi	Cái	Dây garo chất liệu thun cotton	1.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
75	VT075	Dây hút dịch ECO sử dụng một lần		Cái	Ống hút đờm, dịch, khí, mỡ các loại, các cỡ 5-6-8-10-12-14-16-18. Có 2 loại có nắp và không nắp. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhìn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Loại có nắp được kết cấu 02 phần. Khoá van và dây dẫn. Khoá van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số. Xuất xứ: Việt Nam Đạt tiêu chuẩn: EN ISO 13485:2016-TUV, ISO 9001:2015.	20.000
76	VT076	Dây hút dịch sử dụng một lần	Túi 20 cái x 25 túi / kiện	Cái	Các số : 6, 8, 10, 12, 14, 16. Đảm bảo vô khuẩn. Chiều dài dây 50cm. Nguyên liệu PVC cao cấp, chuyên cho y tế, không độc hại không bị kích ứng. Không quá cứng hoặc quá mềm. Ống trơn láng, không sản sinh hoặc dập nứt. Bề mặt vòng bên ngoài có dạng tròn, nhẵn, được tráng silicon nhằm giảm thiểu sự kích thích các mô mềm trong suốt thời gian đặt vào nội khí quản. Có van kiểm soát, điều khiển chân không dạng chữ T có nắp đậy vào nhằm để dàng kiểm soát linh động bằng ngón tay. Thân ống đục đủ 2 lỗ bầu dục theo tiêu chuẩn.	20.000
77	VT077	Dây nhựa 8 ly	50 m/ cuộn	mét	Dây nhựa trắng, trong, đường kính trong khoảng 8 mm, đường kính ngoài của cả dây khoảng 1 cm dây chịu áp lực cao	500
78	VT078	Dây nối bơm tiêm điện 150cm		Cái	- Đóng gói kín từng chiếc, vô trùng, có đánh dấu vị trí mở, dễ mở, có hạn sử dụng ghi trên bao bì. Miền dẻo, trong suốt, chống xoắn. - Đường kính trong: 0,9 mm ($\pm 0,1$ mm) - Đường kính ngoài: 1,9mm ($\pm 0,1$ mm) - Chiều dài dây 150cm - Đầu nối Luer Lock, chịu áp lực cao, chống rò rỉ; có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch (có khóa bấm chặn dòng) - Chất liệu PVC, không có chất phụ gia DEHP. - Đạt tiêu chuẩn tiết trùng	200.000
79	VT079	Dây nối bơm tiêm thuốc cân quang		Cái	Dây nối bơm tiêm điện dùng cho bơm tiêm thuốc cân quang, được làm từ chất liệu PVC y tế trong suốt, đường kính trong 3mm, đường kính ngoài 4,1mm. Có khóa kết nối luer lock, khóa chặn dòng, không độc tố. Độ dài của dây nối các cỡ 30/75/150 cm. Tiết trùng bằng EO, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5.000
80	VT080	Dây thở oxy	Túi 1 Cái Bộ	Bộ	Các cỡ sơ sinh, trẻ em, người lớn . Dây dẫn chính có chiều dài 2000 mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh.	15.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
81	VT081	Dây truyền dịch vô trùng sử dụng một lần 20 giọt/ml, kim các cỡ	1 sợi/ gói	Sợi	- Dây truyền dịch có lỗ thông khí và màng lọc hydrophobic ngăn chặn vi khuẩn - Ống dây PVC mềm, không chứa DEHP và chống gãy gấp dài 180cm (OD 3.8mm± 0.5mm, ID 2.75mm ± 0.5mm). Tốc độ 20 giọt/phút - Bùồng nhỏ giọt hình trụ trong suốt. Đĩa lọc chất lỏng 15micro bên dưới bùồng nhỏ giọt lọc bắt kì hạt nào trong chất lỏng - Có cổng Y không chứa latex vật liệu poly isoprene dùng để bơm thuốc - Khóa điều chỉnh con lăn hiệu quả đảm bảo kiểm soát tốc độ dòng chảy tốt hơn - Khóa luer lock đảm bảo kết nối an toàn với các thiết bị khác - Có kim kèm theo Đóng gói vô trùng, dùng 1 lần, không gây sốt, đóng gói riêng lẻ Tiêu chuẩn ISO, CE	80.000
82	VT082	Dây truyền máu	1 bộ / gói	Bộ	Dây truyền máu có kim 19G, có bầu đếm giọt 2 ngăn hình trụ, bộ lọc 200 micron, dây dài 150 cm chống xoắn, đầu ghim vào túi máu khí, không rò rỉ, tốc độ 20 giọt / ml. Đường kính : ID 2.75 mm, OD 3.8 mm, chất liệu dây và bầu đếm giọt PVC không gây sốt, không chất cao su.	1.000
83	VT083	Đè lưới gỗ vô trùng	100 cái/hộp	Cái	Yêu cầu: chất liệu gỗ; kích thước 150mm x 20mm x 2mm. Tiệt trùng	20.000
84	VT084	Điện cực dán	Túi 50 cái	Cái	Điện cực dán dùng cho đo điện tâm đồ, kích thước 37 x 41mm. Tiêu chuẩn CE	15.000
85	VT085	Đồng hồ Oxy		Bộ	Điều áp loại pít tông, có lưu lượng kế và chai tạo ẩm Áp suất dầu vào tối đa đạt 3000psi hoặc 4000 psi. Phạm vi lưu lượng: 0-15 LPM / 0-10 LPM / 0-5 LPM Sử dụng với xi lanh oxy Đồng hồ có vạch chia độ chính xác, dễ đọc.	40
86	VT086	Dùng cụ bảo vệ thành vết mổ các kích cỡ	Cái	Cái	Dùng để bảo vệ vết thương, đường kính 2 - 4cm, 1 vòng màu xanh ở trên co giãn được, từ Pellethane, màng film trong suốt ở giữa, chất liệu Polyurethane, 1 vòng màu xám ở dưới linh hoạt, từ Pellethane. Tiêu chuẩn CE, ISO, FDA.	20
87	VT087	Dùng dịch đánh tan gỉ dụng cụ y tế		Chai	Dùng dịch đánh tan gỉ sử dụng trong bồn rửa hoặc máy rửa sóng siêu âm Thành phần: < 5% chất hoạt động bề mặt không ion, > 30% phosphates pH: 1.8-0.9 (nước khử khoáng, 20 °C, dung dịch 1-10%) Độ nhớt: < 50 mPa s ((trong dung dịch đậm đặc, 20 °C)	40
88	VT088	Dung dịch diệt khuẩn phòng mổ và bùồng bệnh	Can 5 lít	Can	Thành phần: Hàm lượng 0,012% Ag (trong đó 85 % bạc nano).	50

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
89	VT089	Dung dịch khử khuẩn, tiệt khuẩn lạnh cho ống nội soi và dụng cụ y tế	Can 5 lít	Can	Thành phần: 0,55% Ortho- Phthalaldehyde, pH=7, dung dịch sẵn sàng sử dụng (không cần hoạt hóa). Khử khuẩn mức độ cao trong 5 phút. Đạt tiêu chuẩn diệt khuẩn EN 14561, EN 14562, EN 17111 và EN 14563. Tái sử dụng trong 14 ngày (tặng kèm test thử để kiểm tra nồng độ OPA). Thời gian bảo quản dung dịch trong can sau khi mở nắp đến 3 năm. Tiêu chuẩn CE, CFS Châu Âu	100
90	VT090	Dung dịch làm sạch và tiền khử khuẩn dụng cụ y tế	Can >=5lít	Can	Didecylidimethylammonium Chloride 10% (w/w); Chlorhexidine Digluconate 1.5% (w/w); chất hoạt động bề mặt non-ionic; và các phụ gia vừa đủ 100%. Can ≥ 5L.	20
91	VT091	Dung dịch ngâm khử khuẩn và tiệt khuẩn lạnh dụng cụ	5 Lít/Can	Can	Thành phần: Glutaraldehyde 2% . Có tác dụng trong vòng 28 ngày (kiểm tra hoạt lực bằng que thử). Đạt tiêu chuẩn: CE	200
92	VT092	Dung dịch phun khử khuẩn nhanh bề mặt dụng cụ y tế chuyên dùng trong y tế.	Can 5L	Can	Didecylidimethylammonium Chloride 0,05%w/w; Polyhexamethylene Biguanide Chlorhydrate 0,06%w/w ; nước cất và các phụ gia vừa đủ 100%.	20
93	VT093	Dung dịch phun sương khử khuẩn bề mặt	Can 5 lít	Can	Dung dịch khử khuẩn bề mặt qua đường không khí chứa thành phần: Hoạt chất: Hydrogen peroxide 5 % (w/w), Ion Ag 0,005 % (w/w). Hiệu quả diệt khuẩn Vi khuẩn, nấm mốc : EN 13697 Mycobacterium: EN 14348 Virus: EN 14476	50
94	VT094	Dung dịch rửa tay nhanh	Can 5 lít	Can	Hoạt chất: Ethanol 73,5% (w/w), Isopropanol 2,5% (w/w), Chlorhexidine digluconate 0,5% (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, Caprylic triglyceride, Isopropyl myristate, Olive Oil PEG-7 Esters... Chất tạo màu, hương liệu. Hàm lượng Methanol: ≤ 2000 (mg/l)	100
95	VT095	Dung dịch sát khuẩn tay	Chai 500 ml	Chai	Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 80% (v/v); Isopropyl alcohol (Isopropanol) 7.2% (v/v) và các chất phụ gia (chất bảo vệ, dưỡng da và hương liệu) vừa đủ 100%. Khử khuẩn tay thường qui và ngoại khoa. Sản phẩm có tác dụng diệt 99,99% các vi sinh vật được thử nghiệm gồm S.aureus, P. aeruginosa, Shigella, M.tuberculosis, Bacillus subtilis và nấm C. albicans sau 30 giây tiếp xúc	500

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
96	VT096	Dung dịch xà phòng diệt khuẩn dùng trong vệ sinh tay ngoại khoa		Can	1. Chlorhexidine digluconate 4% 2. Xà phòng khử khuẩn cho vệ sinh tay ngoại khoa pH = 5.5 3. Đạt tiêu chuẩn dùng trong vệ sinh tay ngoại khoa theo yêu cầu của WHO: EN 12791. 4. Diệt virus HIV, Rotavirus, HBV, HCV Can ≥ 5L	10
97	VT097	Gạc 5x7 cm	10 miếng/gói	Miếng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Tiết trùng bằng khí EO.Gas.	8.000
98	VT098	Gạc 6x15 cm	1 miếng/gói	Miếng	Kích thước: 6 x 15cm. Sản phẩm được làm từ 2 lớp vải không dệt hút nước bên ngoài, và 1 lớp đệm bông tự nhiên tinh chế (100% cotton) ở giữa. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tiết trùng bằng khí EO.Gas. Đạt tiêu chuẩn chứng nhận đăng ký FDA, CE hoặc tương đương, cGMP-FDA	2.000
99	VT099	Gạc củ ấu nhỏ		Miếng	Chất liệu: 100% sợi cotton, không có độc tố, tẩy trắng bằng oxy già, không có tinh bột và dextrin, độ hút nước ≤5 giây, mật độ 18x20 sợi/cm ² , trọng lượng gạc ≥32gr/m ²	5.000
100	VT100	Gạc củ ấu to	Túi 10	Cái	Gạc củ ấu, đường kính 25, vô trùng	1.000
101	VT101	Gạc hút y tế	1000m/ kiện	Mét	Gạc hút nước chỉ có sợi bông, 100% cotton. Mỗi cm ² có 10 sợi dọc, 8 sợi ngang. Giới hạn tạp chất : Clorid ≤ 0,01%; Sulfat : ≤ 0,02%; Calci ≤ 0,06%; Tro : không quá 0,3%; chất béo và chất nhựa hòa tan trong ether ≤ 0,3%; giảm khối lượng do sấy khô ≤ 8,5% .	2.000
102	VT102	Gạc Meche phẫu thuật	3 miếng/gói	Miếng	3,5cm x 75cm x 8 lớp, có cản quang, vô trùng, gói 3 miếng	1.000
103	VT103	Gạc phẫu thuật 10cm x10cm x 12 lớp vô trùng	10 miếng/gói	Miếng	"Nguyên liệu: gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao. Đặc tính: - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; - Độ ẩm: <8%; - Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; - Không có tinh bột hoặc Dextrin; - Các chất tan trong nước: 0,5% ; - Trọng lượng: 23g/m ² . - Mật độ sợi : ngang 7-9 sợi, dọc 9-11 sợi; - Kích thước 10cm x 10cm x 12 lớp. Đóng gói: 10 cái/gói; Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiết trùng bằng khí EO-Gas ". Tiêu chuẩn chất lượng CE hoặc tương đương, FDA.	10.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
104	VT104	Găng khám các cỡ	50 đôi/hộp	Đôi	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, dài trung bình 240mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp áp dụng cho các cỡ: 0,08mm. Lực kéo đứt tối thiểu: Trước già hóa: $\geq 7,0$ N; Sau già hóa: $\geq 6,0$ N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt : Trước già hóa: 650%; Sau già hóa: 500%. Lượng bột bôi trơn (nằm ở mặt trong chiếc găng): $\leq 10\text{mg/dm}^2$. Hàm lượng Protein dưới 200 $\mu\text{g/dm}^2$. Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485, Sản phẩm đạt tiêu chuẩn CE.	100.000
105	VT105	Găng phẫu thuật tiết trùng các số	50 đôi/hộp	Đôi	Tiêu chuẩn cơ bản: Bề dày trung bình 0,15÷20mm, Chiều dài trung bình 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 61/2: 83±5mm, Size 7: 89±5mm, Size 7 1/2: 95±5mm. Cường lực khi đứt: Trước khi lão hóa: min 12,5N, Sau lão hóa: min 9,5N. Độ giãn đứt: Trước lão hóa: min 700%, Sau lão hóa: min 550%. Lượng bột: max 80mg/đôi. Lượng protein: max 200 $\mu\text{g/dm}^2$, mức độ nhiễm tinh điện dưới 100V. Tiệt trùng bằng khí EO. Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485, sản phẩm đạt tiêu chuẩn CE.	24.000
106	VT106	Găng tay cao su y tế có bột các cỡ	Hộp 50 đôi	Đôi	Găng tay cao su tự nhiên, có bột, găng có bề mặt nhám hoặc trơn nhẵn, thuận cả hai tay. Đạt tiêu chuẩn TCVN 6343. Màu sắc: Trắng. Kích cỡ: XS/S/M/L/XL. Trọng lượng ($\pm 0.2\text{gr}$): XS: 4.0gr, S: 4.5gr, M: 5.0gr, L: 5.5gr, XL: 6.0gr. Chiều dài: 240mm ± 5 . Chiều rộng (mm): XS: 75 ± 5 , S: 85 ± 5 , M: 95 ± 5 , L: 105 ± 5 , XL: 115 ± 5 . Độ dày (mm): Lòng bàn tay: 0.10mm - 0.12mm; Đầu ngón tay: 0.11mm - 0.13mm. Lực kéo đứt trước lão hóa/ Sau lão hóa: min 20MPa/16MPa. Độ dẫn dài khi đứt trước lão hóa/ Sau lão hóa: min 700%/600%. Hàm lượng bột: max 10mg/dm ² . Hàm lượng Protein: max 100 $\mu\text{g/dm}^2$.	150.000
107	VT107	Găng tay không bột	Hộp 50 đôi	Đôi	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, không bột, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, dài 240mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp: Vùng ngón tay: 0,11 mm đến 0,13mm, Lòng bàn tay: 0.10 mm đến 0,12mm. Lực kéo đứt tối thiểu: Trước già hóa: $\geq 7,0$ N; Sau già hóa: $\geq 6,0$ N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt : Trước già hóa: 650%; Sau già hóa: 500%. Hàm lượng Protein dưới 200 $\mu\text{g/dm}^2$.	20.000
108	VT108	Gel bôi trơn	Hộp/24 tuýp	Tuýp	Purified water, Glycerin, Propylene glycol, Aloe Vera extract, Hydroxypropyl methylcellulose, PEG-40 Hydrogenated Castor Oil, Disodium ethylenediamin tetraacetate, Ethylhexylglycerin (and) Phenoxyethanol (0.5%). pH: 6,38, Gel có độ tinh khiết cao, tan trong nước, gel trong không màu, không mùi, không bột khí, không chứa cồn, không chứa chất ăn mòn và không gây kích ứng da. Quy cách: tuýp 82g	300
109	VT109	Gel siêu âm	Can 5 lít	Can	Thành phần chính: Water, Carbomer, Glycerin, Sodium Benzoate, ... Cảm quan: Gel trong suốt, không màu hoặc màu xanh, không mùi. pH 6,5 - 7,5. Tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. Quy cách: Can 5 lít.	100
110	VT110	Giấy điện tim 12 kênh	Tập 150 tờ	Tập	Tập kích thước 210mm x 295mm. Tập 150tờ. Giấy in nhiệt có kẻ ô màu đỏ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	50

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
111	VT111	Giấy điện tim 3 cần 63mm x 30m	Hộp 10 cuộn	Cuộn	Yêu cầu: giấy in nhiệt có kẻ ô, kích thước 63 mm x 30m	200
112	VT112	Giấy điện tim 6 cần	200 tập/ kiện	Tập	Giấy điện tim 6 cần 110mm x 140mm-200 tờ	1.500
113	VT113	Giấy in nhiệt		Cuộn	Giấy in nhiệt kích thước 80mm x 25m	1000
114	VT114	Giấy in nhiệt máy điện tim Cardio7		Cuộn	Giấy in nhiệt thích hợp với máy điện tim Cardio7	100
115	VT115	Giấy siêu âm	Cuộn/ Túi	Cuộn	Kích thước 110mm x 20m. Chất lượng giấy hoàn hảo, đặc tính cắt mịn và sạch, thuận tiện cho người sử dụng. Có lớp chống quăn và có thể uốn thẳng dễ dàng. Lớp HG được phủ một lớp UV chất lượng cao. Hình ảnh in có khả năng chống nhiệt và độ ẩm cao và có thể bảo quản hình ảnh trong thời gian dài mà không bị thay đổi. Tương thích với máy in Sony của Bệnh viện.	300
116	VT116	Huyết áp kế đồng hồ		Bộ	01 đồng hồ đo áp lực -Hệ thống bơm khí: 01 bóng bơm khí, 02 ống dẫn khí, 01 van xả khí -01 đai băng cuộn tay bằng Cotton, dành cho người lớn kích thước 140x500mm (+<=2%) -01 bao hơi cao su kích thước 120x220mm (+<=2%) -01 túi đựng	100
117	VT117	Kéo cắt chỉ 10cm		Cái	Chất liệu thép không gỉ. -Đầu mũi thẳng, cong. -Dài 10 cm	50
118	VT118	Kéo thẳng 2 đầu tù		Cái	Chất liệu thép không gỉ. Kích thước 16cm.	50
119	VT119	Kéo thẳng nhọn 14cm		Cái	Chất liệu thép không gỉ. - Dài 14 cm	50
120	VT120	Kẹp phẫu tích có mẫu 16cm		Cái	Nhíp nhọn 16cm, thép không rỉ	50
121	VT121	Kẹp phẫu tích không mẫu 16cm		Cái	Chất liệu thép không gỉ.	50
122	VT122	Khăn lau khử khuẩn bề mặt (không cồn)		Hộp	Khăn tắm dung dịch Didecyl dimethyl ammonium chloride 0.3% và không chứa cồn Tuổi thọ: ≥ 3 tháng kể từ ngày mở túi Hộp ≥ 100 khăn	50

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
123	VT123	Khẩu trang 4 lớp		Cái	- Khẩu trang giấy kháng khuẩn 4 lớp gồm 02 lớp vải không dệt và ở giữa là các lớp lọc kháng khuẩn >99 % (meltblown). - Vải không dệt + Giấy lọc kháng khuẩn dùng trong y tế không thấm nước, không độc hại, có tác dụng lọc khí, ngăn cản bụi, vi khuẩn. - Thanh tựa mũi: bằng nhựa định hình, an toàn khi sử dụng, quai đeo mềm không gây kích ứng da. - Đóng túi 1 cái/1 túi, tiệt trùng kín bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016-TUV; ISO 9001 :2015, CE.	30000
124	VT124	Khẩu trang y tế 3 lớp vô trùng		Cái	Khẩu trang y tế 3 lớp vô trùng	50.000
125	VT125	Khẩu trang y tế N95	1 cái/gói	Cái	Vải không dệt Có 5 lớp, có 2 lớp vi lọc chuyên dụng BFE ≥99%. Lớp vải không dệt trong cùng tiếp xúc với da, không gây dị ứng, ngứa, không chứa thành phần phân độc tố Kích thước khẩu trang 11 x 16 cm (± 0.5)	15.000
126	VT126	Khay quả đậu		Cái	Chất liệu: inox không gỉ. Inox dày, chắc chắn, lòng sâu -	50
127	VT127	Khóa 3 chạc có dây nối	Hộp/50 cái	Cái	Đặc điểm kỹ thuật: • Được sử dụng để chuyển vị trí thao tác ra khỏi vị trí chọc hút tĩnh mạch. • Khóa ba chiều quản lý cơ sở vật chất bỏ sung từ công bên cũng như chuyển đổi đường dây. • Có chiều dài ống từ 5cm đến 500cm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	6.000
128	VT128	Khóa 3 ngã (không dây)	1 cái/gói	Cái	"Đặc điểm kỹ thuật: • Được thiết kế để tạo điều kiện chuyển đổi dịch truyền dễ dàng • Khóa xoay và Công tuân theo ISO:80369-7:2016 cho sự an toàn và khi kết nối với các thiết bị khác • Easy eject là tính năng sẵn có • Chịu được áp lực lớn • Chịu đc uốn cong 45 độ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE"	5.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
129	VT129	Kim cánh bướm	Bộ 1 cái	Cái	Cầu tạo Bộ kim cánh bướm bao gồm: dây truyền, kim truyền, nắp chụp bảo vệ được hàn kín trong một đơn vị đóng gói -Được xử lý tiết trùng bằng khí E.O theo quy trình kín, không độc, không chất gây sốt. - Vật liệu làm đốc kim truyền: Chất dẻo và được nhuộm màu theo tiêu chuẩn quốc tế gồm các cỡ. - Có gắn dây nối dài 30 cm, chống xoắn, mềm dẻo, trong suốt. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485,CE	10.000
130	VT130	Kim cấy chi	1 cái/gói	Cái	Kim cấy chi dùng một lần bao gồm thân kim, lõi kim được làm từ sợi thép y tế không gỉ 12Cr18Ni9, Giá lót lõi, Giá đỡ kim và Ống bảo vệ được làm từ nhựa PP chuyên dùng trong y tế. Các cỡ. Số 7 (0.7*55mm), Số 8 (0.8*55mm), Số 9 (0.9*68mm)	1.000
131	VT131	Kim châm cứu dạng vi nhôm, tay cầm bằng thép không gỉ các cỡ	Vi 10 cái	Cái	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần, được cuộn xoắn ốc đồng đều, bằng 1 sợi thép y tế, có màu đồng nhất, không có nếp nhăn. - Thân kim được làm từ thép không gỉ có khả năng chống gỉ, chống ăn mòn, không có vết nứt, vết gãy hoặc tách thành các lớp - Kích thước của kim: Đường kính x Chiều dài: (0,16 - 0,45)mm x (13- 75) mm - Đầu kim được mài sắc, đánh bóng sắc nét và không có vết nhám, gờ, rìa gai hoặc móc - Đầu kim không bị cong hoặc rạn nứt sau khi bị tác động áp lực và lực châm tiêu chuẩn - Kim được đóng gói vô trùng, mỗi kim là khuôn riêng biệt. Vi được làm từ nhựa và giấy, dễ xé trong quá trình sử dụng, đảm bảo vô khuẩn. Vi được tạo đường rãnh xé giữa các kim, dễ dàng xé từng kim khi sử dụng mà không ảnh hưởng đến các kim còn lại. - Thiết kế an toàn, dễ sử dụng, tiết kiệm thời gian. - Chứng nhận: ISO 13485:2016	150.000
132	VT132	Kim chọc dò và gây tê tùy sống số các cỡ 18-27G	20 Cái/Hộp	Cái	- Kim gây tê tùy sống loại Quincke (3 mặt vát), mặt vát chính 16 ± 1 độ, 2 mặt vát bên 35 ± 4 độ - Góc xiên chính của que thông nòng (Stylet): 20 ± 5 độ - Kim bằng thép không gỉ SUS 304, không chứa chất gây sốt (pyrogenic) - Cánh (Polypropylene) lớn, có thể tháo rời, hỗ trợ cầm kim chắc hơn - Chuôi kim (Polycarbonate) trong suốt giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra - Dù các size chuẩn từ 16G - 27G. Chiều dài 90mm (3 1/2"). - Tiệt trùng EO - Xuất xứ: Nhóm nước OECD. Có ít nhất 1 CFS thuộc nước tham chiếu theo NĐ98.	300
133	VT133	Kim khâu da	Vi 10 cái	Cái	Đã tiệt khuẩn, sử dụng 1 lần. Chất liệu hợp kim, khâu da kim cong, thân 3 cạnh; Các số, tiêu chuẩn	1.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
134	VT134	Kim lấy máu đo đường huyết	100 chiếc/hộp	Chiếc	Dùng để lấy máu mao mạch cho các xét nghiệm máu. Sản phẩm sử dụng một lần.	10.000
135	VT135	Kim lấy máu động mạch	500 chiếc/hộp	Chiếc	Bơm tiêm 1ml, chất liệu bằng nhựa, có chất chống đông Lithium Heparin dạng đông khô 15 IU, tự động hút mẫu dùng để lấy máu xét nghiệm khí máu, thể tích 1ml	50.000
136	VT136	Kim luồn tĩnh mạch		Cái	Kim luồn tĩnh mạch, có cánh, có cổng tiêm thuốc - Kim thép không gỉ, mặt vát - Ống thông vật liệu FEP, 3 đường cân quang, có bộ lọc kỵ nước. Ống thông và chống gấp - Buồng báo máu hồi lưu có màng ngăn trào máu, trong suốt để quan sát trực quan - Thời gian lưu kim tối đa 72h - Đóng gói riêng lẻ từng vi. Vô trùng, không độc hại, không gây sốt - Kích cỡ: 14G: 2.1x45mm - 240ml/min 16G: 1.7x45mm - 160ml/min 18G: 1.3x32mm - 90ml/min 20G: 1.1x32mm - 65ml/min 22G: 0.9x25mm - 36ml/min 24G: 0.7x19mm - 23ml/min 26G: 0.6x19mm - 17ml/min - Tiêu chuẩn ISO, CE	100.000
137	VT137	Kim luồn tĩnh mạch dạng bút		Cái	Kim luồn kiểu hình bút, đóng gói đơn chiếc bằng vỏ nhựa. Kim sắc số 18G x 2", 20G x 2", 22G x 1", 24G x 3/4". Có 3 vạch sợi Xray, tác dụng cân quang và tăng cứng dai cho đầu Silicon. Tiết trùng 2 lần bằng chùm điện tử và khí EO hoặc tương đương.	3000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
138	VT138	Kim sinh thiết	1 cái/gói	Cái	* Mục đích: Thiết bị sinh thiết bán tự động, sinh thiết mô mềm như Gan/Phổi/Tuyến tiền liệt. * Hệ thống bán tự động loại tru-cut với 2 độ xuyên sâu (10-20mm), trên thân ống có vạch chia độ sâu * Stylet: Thép không gỉ AISI304, được kết nối với hệ thống có rãnh để giữ mẫu vào trong, còi và đầu xuyên thấu. * Có kèm kim dẫn đường * Mã hóa màu theo các kích cỡ kim: 14G, 16G, 18G, 20G. Chiều dài 07-10-15-18-20-25cm * Tiệt trùng EO, không chứa latex * Tiêu chuẩn ISO 13485; chứng nhận hợp chuẩn Châu Âu. - Xuất xứ: Châu Âu	300
139	VT139	Kim tiêm	1 cái/túi	Cái	- Kim cấu tạo thép không gỉ. - Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp bảo vệ. - Đường kính, độ dài kim phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Không bị gãy, không bị cong vênh. - Kim các cỡ. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng. - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485	1.200.000
140	VT140	Lọ đựng nước tiểu có nắp		Cái	Ông nghiệm nhựa PS có nắp, kích thước, đựng được bao nhiêu ml	10000
141	VT141	Lọ mẫu đựng bệnh phẩm vô trùng 50ml	100 cái/túi	Cái	Nhựa PS (nhựa trung tính, tính khiết 100%) trắng trong. Tiệt trùng Đóng gói: 01 cái/túi	6.000
142	VT142	Lọ mẫu đựng bệnh phẩm vô trùng có thìa			Nhựa PS (nhựa trung tính, tính khiết 100%) trắng trong, có thìa. Tiệt trùng Đóng gói: 01 cái/túi	3.000
143	VT143	Lưỡi dao mổ các số	100 cái/hộp	Cái	Dao phẫu thuật dùng một lần, cán nhựa, lưỡi bằng thép không gỉ	3.000
144	VT144	Mask khí dung	Túi 1 cái	Cái	- Chất liệu nhựa PVC y tế nguyên sinh cứng trong, không độc hại - Được tiệt trùng bằng khí EO - Bề mặt nhẵn mịn, không gây dị ứng và không gây tổn thương - Không chứa DEHP - Tiêu chuẩn ISO13485, CE	200.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
145	VT145	Mask Silicon		Cái	Mặt nạ gây mê được làm bằng silicone y tế. Dây đủ size cỡ người lớn, trẻ em, sơ sinh tương ứng các số 0, 1,2,3,4,5. Chứng nhận ISO 5356-1	50
146	VT146	Mặt nạ thở oxy	01 cái/ túi	Cái	- Mask vật liệu PVC . Kích cỡ dài x rộng người lớn (130mm x 85,5mm), trẻ em (95mm x 70mm) - Co nối vật liệu HDPE - Dây thun đeo cổ định dài 48cm - Kẹp mũi nhôm - Co nối Female - Dây oxy dài 190cm/210cm Chất lượng ISO, FDA	1.000
147	VT147	Mặt nạ thở oxy có túi	Túi 1 cái	Cái	Mask thở oxy có túi, nồng độ cao bao gồm: - Mask thở vật liệu PVC - Co nối Female - Túi trữ khí 1000ml, PVC Folio, van màng silicone độ dày 0,4mm - Dây đeo cổ định dài 48cm - Kẹp mũi nhôm - Dây oxy dài 190cm/210cm - Mask oxy cung cấp 80-100% oxy nồng độ cao, tốc độ dòng 10-15l/phút - Không DEHP , không latex. Chất lượng ISO, FDA	500
148	VT148	Mặt nạ xông khí dung	Túi 1 cái	Cái	- Chất liệu: Mask thở PVC y tế, bầu chứa thuốc vật liệu nhựa PP - Kích thước: Mask thở đường kính 2 lỗ xã trái phải 20mm ± 0,2 mm - Tốc độ phun tối đa 3ml/10 phút. Kích thước hạt 3-7.5micro. - Ống dây kết nối 190cm hoặc 210cm ±10 cm - Dây thun đeo cổ định dài 48 cm ± 5 cm - Kẹp mũi nhôm Đóng gói riêng lẻ từng cái - Tiêu chuẩn ISO, FDA	100000
149	VT149	Máy xông khí dung		Bộ	Máy xông nén khí '- Điện 220-240V; 50Hz - Phụ kiện đi kèm :Máy nén khí, bộ xông, ống dẫn khí (PVC 200cm), ống ngậm, mặt nạ người lớn (PVC), mặt nạ trẻ em (PVC), 5 miếng lọc dự phòng, hướng dẫn cách sử dụng, - Kích thước hạt: Khoảng 3µm MMAD = đường kính trung bình khí động học); - Dung tích cốc: tối đa 7ml; Lượng thuốc thích hợp: Tối thiểu 2ml - tối đa 7ml - Tốc độ phun khoảng 0,4 ml/phút. - Bảo hành tối thiểu 12 tháng	60

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
150	VT150	Miếng dán phẫu trường kích thước 28x45cm	1 Miếng/ Túi	Miếng	*Miếng dán được làm từ polyurethane và/hoặc film polyethylene có thể cắt được. *Trong suốt, chống nước và vi khuẩn, không gây dị ứng. Độ đàn hồi cao và độ bám tốt, siêu mỏng. Phần rìa màu xanh để tay nắm giữ *Sử dụng trước và trong phẫu thuật	100
151	VT151	Mũ giấy phẫu thuật vô khuẩn	Túi 1 cái	Cái	Chất liệu: vải không dệt, có viền thun đàn hồi. Được tiệt trùng và đóng gói từng cái	5000
152	VT152	Nước cất 2 lần	Can >= 10 lít	Lít	Yêu cầu: có phiếu kiểm nghiệm đáp ứng tiêu chuẩn nước cất 2 lần của Dược điển Việt Nam 4.	2.000
153	VT153	Ông chứa máu kháng đông Heparin	100 ống/khay	Cái	Chất liệu: nhựa y tế PP trung tính Kích thước: dung tích 5ml, đường kính ống 12-13mm, chiều dài ống 75mm Nhận dạng: nắp nhựa, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3000 vòng/ phút trong thời gian 5-10 phút Hóa chất: Sử dụng hóa chất chống đông Heparin	130.000
154	VT154	Ông chứa máu kháng đông Natri Citrate	100 cái/khay	Cái	Chất liệu: nhựa y tế PP trung tính. Kích thước: dung tích 5ml, đường kính ống 12-13mm, chiều dài ống 75mm Nhận dạng: nắp nhựa, có vạch định mức lấy bệnh phẩm, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong thời gian 5-10 phút Hóa chất: Sử dụng hóa chất chống đông muối Natri citrate (Trisodium Citrate/ Trisodium Citrate Dihydrate/NACN)	6.000
155	VT155	Ông dẫn lưu dịch màng phổi loại thẳng bằng silicon		Cái	Loại thẳng, đã tiệt khuẩn, chất liệu bằng silicon, có các lỗ thoát dịch chống tắc nghẽn, áp lực - 120±5mmHg, dài 500mm. Đóng gói 1 cái/vi, 10 cái/hộp.	50
156	VT156	Ông hút dùng trong phẫu thuật		Cái	Chất liệu PVC	150
157	VT157	Ông nghiệm lấy máu chân không EDTA	100 ống/khay	Ông	Ông nghiệm chân không EDTA K3 được sản xuất từ nhựa PET với nắp cao su. Kích thước 13x75mm. Ông nghiệm đã được hút chân không	2000
158	VT158	Ông nghiệm lấy máu chứa chất K2 EDTA, nắp cao su	100 ống/khay	Ông	- Ông nghiệm K2EDTA URI, nắp xanh da trời, có nút cao su - Thể tích chứa: 2 ml, có vạch định mức 2ml trên nhãn. - Thân ống Polypropylene (PP) trung tính, nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế, kích thước 12x75mm, thể tích chứa tối đa 6ml ± 0.5ml, dễ dàng quan sát thành phần bên trong, chịu lực ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 10 phút. (Có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định) - Nút cao su bromo-butyl, kết nối chắc chắn, chống tràn đổ mẫu bệnh phẩm. - Nắp nhựa Polyethylene (LDPE/HDPE), màu xanh da trời. - Nồng độ EDTA: 1.2 – 2.2 mg/ml máu - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, GMP, CE.	120.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
159	VT159	Ống nghiệm nhựa không nắp không nhãn	500 cái/túi	Cái	Ống nghiệm: Nhựa polystyrene (PS) - ống có dạng hình trụ đáy tròn, không đóng nút, trên thân ống không có nhãn - Kích thước ống: dài 75mm, đường kính 12mm, thể tích sử dụng tối đa: 5ml.	10.000
160	VT160	Ống nhựa (chữ Y)	100 cái/túi	cái	Chất liệu bằng nhựa trắng trong. Không có ba vĩa bên trong, bên ngoài. Phù hợp, nối được với dây nhựa 8 ly và đầu hút của chai hút dịch.	300
161	VT161	Ống nhựa đầu to đầu nhỏ	100 cái/túi	cái	Chất liệu bằng nhựa trắng trong. Không có ba vĩa bên trong, bên ngoài. Phù hợp, nối được với dây nhựa 8 ly và đầu hút của chai hút dịch.	300
162	VT162	Ống nối (chữ I)	100 cái/túi	cái	Chất liệu bằng nhựa trắng trong. Không có ba vĩa bên trong, bên ngoài. Phù hợp, nối được với dây nhựa 8 ly và đầu hút của chai hút dịch.	300
163	VT163	Ống nối dây thờ (Show)	Túi 1 cái	Cái	" Ống nối dây máy thờ có giãn vật liệu PP - EVA, Tổng chiều dài 20cm, chiều dài ống 15cm Co nối xoay kép, xoay 360 độ, có công hút dịch có nắp đáy Đầu nối với bệnh nhân 15F/22M. Đầu nối dây thờ 22F * Tiêu chuẩn ISO, FDA	2.000
164	VT164	Ống nội khí quản 2 nòng trái, phải (sonde carlen)		Cái	* Nguyên liệu thermosensitive clear PVC nhạy cảm nhiệt. * Bóng Soft-Seal thể tích lớn áp lực thấp. Bóng phế quản hình quả đậu có màu, chứa chất cản quang * Chiều dài ống nội phế quản và đường kính 2 bóng lần lượt (Fr x mm/mm): - Nội phế quản phải: 28 x 23/13; 32 x 24/13; 35 x 26/21; 37 x 28/21; 39 x 29/21; 41 x 31/21. -Nội phế quản trái: 28 x 23/12; 32 x 24/13; 35 x 26/18; 37 x 28/18; 39 x 29/23; 41 x 31/23. * Độ cong tương thích giải phẫu, có đường cản quang xanh đậm dọc ống, co nối vuông góc 90 độ. * Đóng gói có 4 dây hút nhớt chuyển phế quản đi kèm. * Tiêu chuẩn CE, ISO 13485.	10
165	VT165	Ống nội khí quản có bóng các cỡ	1 cái/ túi	Cái	* Ống nội khí quản trong suốt bằng PVC nhạy cảm nhiệt, có đường cản quang * Bóng loại HVLP (thể tích lớn, áp lực thấp) hoặc SVLP (thể tích tiêu chuẩn, áp lực thấp), có in ID trong ống trên van bơm bóng. * Đầu xa hình mũi trâu, được bo tròn, trơn nhẵn * Các size từ 3.0 – 10.0, OD từ 4.2-13.3mm, chiều dài ống từ 165 - 330mm, đường kính bóng từ 12-28mm * Tiệt trùng EO	3.000
166	VT166	Ống nội khí quản có lỗ hút dịch trên cuff thông qua kênh hút dịch	01 bộ/túi	bộ	Ống được làm từ nhựa PVC không độc hại, không chứa DEHP thiết kế thân ống có kênh hút dịch trên bóng cuff. Bóng thể tích lớn áp lực thấp an toàn khi lưu lâu. Độ cong tương thích sinh học, có đường cản quang đậm dọc ống. Kích thước 7.0, 7.5 , 8.0 Sản phẩm tiệt khuẩn bằng khí EO. Đóng gói 1 bộ/túi.	50

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
167	VT167	Ông nội khí quản không bóng các cỡ	1 cái/ túi	Cái	Ông nội khí quản không bóng - Chất liệu bằng Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. - Kích cỡ: số 2.0 → 10.0, OD từ 2.9-13.3mm, chiều dài ống từ 145 - 330mm - Ông có đường cán quang, 1 vạch dày đậm ở đầu xa, các vạch đánh dấu dọc thân cách nhau 1cm. - Tiệt khuẩn - TCCL ISO13485	200
168	VT168	Ông thông dạ dày	Túi 25 cái x 20 túi / kiện	Cái	* Ông có nắp gắn vào đầu nối chống lây nhiễm và có cán quang dọc thân ống, vật liệu PVC mềm có độ đàn hồi phù hợp * Có 4 lỗ dẫn lưu so le nhau để tăng tốc độ dòng * Có các vạch đánh dấu 45,55,65 và 75cm từ đầu xa * Tương thích với bơm tiêm và nguồn hút kích thước lớn * Kích cỡ: 8FG (OD/ID=2.65/1.5mm), 10FG (OD/ID=3.35mm/2.0mm), 12 FG (OD/ID=4.0mm/2.45mm), 14FG (OD/ID = 4.65mm/2.95mm), 16 FG (OD/ID=5.35mm/3.40mm), 18FG (OD/ID=6.0mm/3.9mm). Chiều dài 125cm * Đóng gói tiệt trùng. Không chứa DEHP	5.000
169	VT169	Ông thông nội khí quản lò xo	Thùng/ 100 cái	Cái	Ông nội khí quản lò xo có bóng - Chất liệu PVC nhạy nhiệt, phủ silicone, không chứa phthalate. - Bóng có thành mỏng (0.07-0.12mm), thể tích lớn (3.0-24.0ml), áp lực thấp ($\leq 25\text{cmH}_2\text{O}$) - Kích cỡ: 2.5 - 10, đường kính ngoài từ 4.2 - 14.2mm, đường kính bóng từ 8.0 - 32mm Thông số một số size thường dùng: số 7.0 (OD 10.2 mm, thể tích bóng 13ml, đường kính bóng 23mm) 7.5 (OD 11.0 mm, thể tích bóng 14ml, đường kính bóng 25mm) 8.0 (OD 11.6 mm, thể tích bóng 15ml, đường kính bóng 26mm) Xuất xứ Châu Âu	50
170	VT170	Ông thông phế quản/ ống đặt nội khí quản 2	Túi 1 bộ	Bộ	Ông nội phế quản 2 nòng trái/phải * Vật liệu PVC nhạy nhiệt, phủ silicone. Không chứa latex, không chứa DEHP.	100
171	VT171	Panh cong không mẫu		Cái	Chất liệu làm bằng thép không gỉ, mũi cong, không có mẫu, kích thước: 14cm. Dùng để kẹp bóng băng rửa vết thương.	50
172	VT172	Panh thẳng không mẫu		Cái	Panh không mẫu thẳng, chất liệu: thép không gỉ. Chiều dài 14cm	50
173	VT173	Panh thẳng không mẫu		Cái	Panh không mẫu thẳng, chất liệu: thép không gỉ. Chiều dài 18cm.	50

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
174	VT174	Phim X - Quang số hoá cỡ 20x25 (DI-HL)		Tờ	- Phim khô Laser cỡ 20x25 cm - Đóng gói 150 tờ/ hộp - Phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhay sáng, lớp phim, lớp bảo vệ - Sử dụng công nghệ Eco Dry - Phim nền xanh, độ dày PET ≥ 170 micromet - Mật độ tối đa ≥ 3.3 - Có tối thiểu 01 FSC được cấp bởi các nước tham chiếu theo quy định tại Điều 29 Nghị định 98/NĐ_CP. - Xuất xứ: G7	450.000
175	VT175	Phim X - Quang số hoá cỡ 35x43	100 tờ / hộp	Tờ	- Phim khô Laser cỡ 35x43 cm - Phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhay sáng, lớp phim, lớp bảo vệ	50.000
176	VT176	Phim X - Quang số hoá cỡ 20x25 (Agfa)	Hộp 100 tờ	Tờ	- Công nghệ in phim khô Kỹ thuật số trực tiếp trên máy in nhiệt - Mật độ quang học tối đa: ≥ 3.2 - Gồm nền polyethylene terephthalate dày 168 μm, tương đương 80% trọng lượng, phủ một lớp muối bạc hữu cơ hàm lượng ngoài bởi một lớp bảo vệ trong suốt - Phù hợp với các dòng máy in Agfa Drystar - Có 2 FSC của châu Âu, Mỹ, Nhật, Úc, Canada - Xuất xứ châu Âu - Chứng nhận ISO 13485, CE	30.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
177	VT177	Phim X-quang y tế 8"x10" (20x25cm)	100 tấm/hộp	Tờ	- Model: NS-D-P - Kích thước 8x10 inch (20x25cm) - Quy cách đóng gói: 100 tấm/hộp - Phim không nhiễm sáng (sử dụng trong điều kiện ánh sáng môi trường). - Cấu tạo gồm 3 lớp : lớp phủ in phim, lớp nền PET, lớp phủ chống tĩnh điện. - Độ dày lớp phủ in phim là 30 um, lớp nền PET là 175 um, lớp chống tĩnh điện là 5 um - Tương thích đồng thời với các máy in phim phun y tế chuẩn Dicom 3.0 trở lên và các máy in phim phun khác như Canon, Epson. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 và ISO9001 hoặc tương đương, ≥ 2 CFS (giấy chứng nhận lưu hành tự do). - Model: NS-D-P - Kích thước 8x10 inch (20x25cm) - Quy cách đóng gói: 100 tấm/hộp - Phim không nhiễm sáng (sử dụng trong điều kiện ánh sáng môi trường). - Cấu tạo gồm 3 lớp : lớp phủ in phim, lớp nền PET, lớp phủ chống tĩnh điện. - Độ dày lớp phủ in phim là 30 um, lớp nền PET là 175 um, lớp chống tĩnh điện là 5 um - Tương thích đồng thời với các máy in phim phun y tế chuẩn Dicom 3.0 trở lên và các máy in phim phun khác như Canon, Epson. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 và ISO9001 hoặc tương đương, ≥ 2 CFS (giấy chứng nhận lưu hành tự do).	30000
178	VT178	Phin lọc khuẩn đo chức năng hô hấp	Túi 1 cái	Cái	Filter lọc khuẩn dùng cho máy đo chức năng hô hấp Chest. Tiêu chuẩn chất lượng: CE hoặc tương đương	30.000
179	VT179	Phin lọc khuẩn đo chức năng hô hấp	Túi 1 cái	Cái	Filter lọc khuẩn dùng cho máy đo chức năng hô hấp Koko. Tiêu chuẩn chất lượng: CE hoặc tương đương	5.000
180	VT180	Phin lọc máy thở 3 chức năng lọc khuẩn, làm ấm, làm ẩm	Túi 01 cái	Cái	Màng Hygroscopic của phin lọc làm ẩm, tạo độ ẩm và mang lại hiệu quả cho đường thở cho bệnh nhân. Khả năng tạo ẩm: 31mg / H2O tại VT 500ml · Mức kháng tại 60 LPM : 180pa · Khoảng chết: 45 ml · Thể tích: 150-1500ml · Áp lực giọt dịch: ít hơn 0,35 kPa · Hiệu quả lọc vi khuẩn : 99,99998 % · Hiệu quả lọc virus : 99,99997 % · Trọng lượng: 29.1g Tiêu chuẩn CE	500

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
181	VT181	Que chỉ thị đa thông số	480 cái/hộp	Hộp	Chỉ thị hoá học loại 4 - Đổi màu: Vàng sang đen - Kích thước: 200 x 15 mm ± 2% - Kích thước vạch mực chỉ thị: ≥ dài 55 mm x rộng 2 mm - 100% không chứa các kim loại nặng (Bi, Ni, Pb, Cr, Cu, Co) - Trên que chỉ thị in: số lô, hạn sử dụng, mã QR - Có thể đọc và lưu kết quả bằng phần mềm truy xuất, phần mềm đọc kết quả có thể cài đặt trên điện thoại của người sử dụng - Thành phần: giấy > 95%; mực chỉ thị < 5% - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016; FDA (Hoa Kỳ)	54
182	VT182	Que chọc dịch lỏng ngực		Cái	- Ống dẫn lưu màng phổi có trocar được làm từ PVC y tế không độc hại, không chứa Phthalate (không chứa DEHP), không chứa latex, không gây sốt. - Ống thông có định chấn chắn trên trocar, có mắt lớn nhẵn giúp dẫn lưu hiệu quả. - Đầu tròn nhẵn mịn. - Vạch chia độ sâu ở 5,10,15,20cm tính từ đầu xa. - Đầu gần được trang bị đầu nối tròn để dàng kết nối với chai/túi dẫn lưu. - Kích cỡ và chiều dài: 245mm (8FG), 260mm (10,12,14,16FG), 420mm (20,24,28,32,36FG) - Vô trùng bằng EO	500
183	VT183	Que tăm bông ty hầu	200 cái/túi	Cái	Mỗi que đựng riêng trong từng ống nhựa, được tiệt trùng bằng khí EO. Dài tối đa 18cm.	12.000
184	VT184	Sonde foley 2 nhánh các cỡ	Túi 1 cái	Cái	* Ống thông tiểu 2 nhánh các số 6-30Fr, Thể tích bóng 5-45ml/cc tốc độ dòng cao, ≥25 - 1450ml/phút. Một số size thông dụng 16Fr: ≥350ml/phút, 18Fr: ≥480ml/phút - Vật liệu cao su phủ silicone, không chứa DEHP. - Đầu ống có 2 lỗ dẫn lưu lớn, kích thước mỗi lỗ từ 3-8mm.	3.000
185	VT185	Sonde nelaton các số	Gói 20 cái	Cái	Ống thông tiểu 1 nhánh vật liệu PVC nhạy nhiệt, không chứa DBP, BBP, DEHP. - Lỗ dẫn lưu so le. Co nội hình phễu. - Các số: 6Fr - 24Fr. Chiều dài 40cm - Có ít nhất 1 CFS của quốc gia thuộc nhóm G7	500
186	VT186	Tám trải nilon 100x130	1 cái/gói	Cái	Được làm nguyên liệu màng nylon HD, màu trắng trong. Kích thước 100cm x 130cm. Đóng gói: 1 cái/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas Chứng chỉ: 1/ ISO 9001:2015 2/ ISO 13485:2016 3/ ISO 11135:2014	600
187	VT187	Tay dao hàn mạch	Cái	Cái	Tay dao hàn mạch mỏ nội soi hàm phủ nano chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao 37 cm, đường kính thân dao 5mm, quay 350 độ (sử dụng cho máy Valleylab LS10, Valleylab FT10, Forcetriad)	4

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
188	VT188	Tay súng nội soi	01 Cái/Hộp	Cái	Dụng cụ khâu cắt nội soi các cỡ. Dụng cụ được làm bằng chất liệu plastic có phủ cao su chống trượt, phù hợp với tất cả băng ghim nội soi. Tiêu chuẩn FDA	10
189	VT189	Test thử đường huyết		Test	Que thử xét nghiệm đường huyết Sử dụng enzyme: GOD (Glucose Oxidase) Thể tích mẫu: 0.9 microlit Thành phần thuốc thử (cho 100 que thử): Men Glucose Oxidase (GOD) 300 đơn vị; Potassium ferricyanide (chất trung gian) 9.0 mg Thời gian xét nghiệm: 5 giây Phù hợp với máy thử đường huyết SD CodeFreeTM Blood Glucose Test Strip của bệnh viện	10000
190	VT190	Thẻ định nhóm máu đầu giường ABO gắn sẵn huyết thanh mẫu		Test	Thẻ định nhóm máu đầu giường trước truyền máu Thành phần: - Anti-A - Anti-B, Độ nhạy: Anti A: 100%; Anti B: 100% Độ đặc hiệu: Anti A: 100%; Anti B: 100% Xuất xứ: G7 + TCCL: ISO	2000
191	VT191	Trocar lồng ngực		Cái	Trocar phẫu thuật dùng tên lồng ngực, chỉ có vỏ, đường kính từ 5.5mm -12mm, thân dài 60mm, gò trên thân trocar cứng giúp tăng ma sát. Các cỡ. Đạt tiêu chuẩn FDA (CFG), ISO, EC hoặc tương đương.	35
192	VT192	Trocar phẫu thuật nội soi		Cái	Trocar nhựa không dao dùng trong nội soi, tách cơ không cắt cơ các cỡ: - Đường kính: 5 mm / 10 mm/ 12 mm/ 15mm - Chiều dài: 100mm - Đầu tip trong suốt giúp nhìn thấy các lớp mô, tránh tình trạng chọc mù khi đưa trocar vào khoang bụng. - Có 2 lớp van khóa khí: Van phía trong giúp chống rò khí khi đưa và lấy dụng cụ ra khỏi trocar, hỗ trợ trong việc lấy các mẫu bệnh phẩm có kích thước nhỏ ra ngoài. Van phía ngoài có thể điều chỉnh để phù hợp với đường kính của dụng cụ đưa vào. - Tiêu chuẩn ISO/CE hoặc tương đương	35
193	VT193	Trocar phẫu thuật nội soi các cỡ	6 cái/ thùng	Cái	Trocar nội soi nhựa, loại không dao, 5.8mm, 10.8mm, 12.8mm, dài 100mm, có đầu và nòng ngoài trong suốt, nòng ngoài có rãnh có định, có khóa giữ camera, van hai mảnh tích hợp van tròn tăng cường, có đầu Mũi cả heo.	30

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
194	VT194	T-tube (bộ cài chữ T/ống thở T-Tube)		Cái	- Chất liệu: ống PVC, đầu nối PP - Công hút đàm 7,6mm có nắp, không cần ngắt kết nối với nguồn oxy - Có sẵn các lựa chọn van venturi loại: 28%, 35%, 40% hoặc 60% - Dây oxy 2m - Co T có kích thước 22mm M / 15mm F dùng để cung cấp oxy cho bệnh nhân sau phẫu thuật, cung cấp oxy trong lúc chuyển bệnh, hỗ trợ bệnh nhân thở trước khi tháo ống nội khí quản. - Đầu nối 15mm phù hợp với tất cả các ống nội khí quản - Tốc độ dòng có thể điều chỉnh 200cc/giây - 1200cc/ giây - Tiệt trùng bằng EO - Không DEHP , không Latex	500
195	VT195	Túi Camera nội soi	01 cái/túi	gói/bộ	Thành phần: 01 ống nylon kích thước: fi 18cm x dài 230cm ($\pm 5\%$), có dây cột. Túi nylon: kích thước 9cm x 14cm ($\pm 5\%$), có dây buộc. Tiệt trùng bằng khí EO	300
196	VT196	Túi đựng nước tiểu	500 túi/kiện	Túi	Túi đựng nước tiểu có dây treo làm bằng vật liệu nhựa PVC cao cấp, có khóa vận $\frac{3}{4}$ vòng, dây dẫn dài 0.75 m, đường kính ngoài 6.8mm, đường kính van tháo dịch 9.2 mm; tính năng chống trào ngược có lỗ treo, không gây độc hại không gây kích ứng các vạch chia dung tích đều.	8.000
197	VT197	Túi tiệt trùng dạng dẹt 100mm x 200m	6 cuộn/ thùng	Cuộn	Kích thước: 100mm x 200m. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp film Màng film 2 lớp.	5
198	VT198	Túi tiệt trùng dạng dẹt 150mm x 200m	4 cuộn/ thùng	Cuộn	Kích thước: 150mm x 200m. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp film Màng film 2 lớp.	100
199	VT199	Túi tiệt trùng dạng dẹt 250mm x 200m	2 cuộn/ thùng	Cuộn	Kích thước: 250mm x 200m. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp film Màng film 2 lớp.	100
200	VT200	Túi tiệt trùng dạng dẹt 300mm x 200m	2 cuộn/ thùng	Cuộn	Kích thước: 300mm x 200m. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy và 1 lớp film Màng film 2 lớp.	5
201	VT201	Vật liệu cầm máu cellulose tái tổ hợp, 10cm x 20cm		Miếng	- Vật liệu cầm máu cellulose tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), kích thước 10x20cm - Có tính kháng khuẩn. - Hiệu quả cầm máu nhanh. - Bám tốt vào bề mặt không bằng phẳng, tự tiêu sau 7-14 ngày. - Tiêu chuẩn ISO, CE.	50

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
202	VT202	Viên nén khử khuẩn	Hộp 100 viên	Hộp	- Dạng viên sủi tan nhanh trong nước, dùng khử khuẩn bề mặt, đồ vải, diệt vi khuẩn gram âm & gram dương. Hoạt động hiệu quả kể cả khi có sự hiện diện chất hữu cơ, pH: 5.0 - 6.5 - 1 viên nặng 5g có thành phần: hoạt chất Troclosense Sodium 50% tương đương 2.5g/viên, Apidic acid 1,2g/viên tương đương 24%. trọng lượng 1 viên - Đạt các tiêu chuẩn: ISO13485, CFS, GMP	60
203	VT203	Lamen 24x40	Hộp 1.000 cái	Cái	Chất liệu: thủy tinh trong suốt, kích thước 22mm x 40mm. Không mốc, không xước. Quy cách: ≥100 cái/Hộp	3000
204	VT204	Lam kính mài		Cái	Chất liệu : thủy tinh Kích thước ≥ 25x75mm Độ dày : 1,0-1,2 mm	300000
205	VT205	Lamen 22x22	Hộp 1.000 cái	Cái	Kích thước 22x22 mm	3000
206	VT206	Giã đựng ống ly tâm 1,5-2ml		cái	Chất liệu: nhựa có độ bền cao, siêu cứng, có thể chịu được cồn và dung môi hữu cơ nhẹ; có 80 vị trí (5×16), được đánh dấu bằng số thứ tự giúp dễ dàng định danh, theo dõi; có thể chứa được ống li tâm dạng eppendorf 1.5ml, 2.0ml	10
207	VT207	Đầu côn vàng (Đầu côn vàng 200ul)	500 cái/ túi	Cái	Chưa tiệt trùng - Chứng nhận DNase/RNase-free, không chứa DNA người, không chứa chất gây sốt - Chất liệu: polypropylene, màu vàng, có chia vạch - Độ dài đầu côn: 51.4 mm - Tương thích với nhiều loại pipet	30000
208	VT208	Đầu côn (Đầu côn có lọc 1000 µl)	Hộp 96 cái	Hộp	Đầu tip 1000µl, lọc PE, đã được xử lý vô trùng, chống bám dính Chất liệu nhựa Polypropylene. Không silan hóa, không có DNase/RNase, Acid nucleic và chất ức chế PCR trên bề mặt Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường. Đóng gói: 96 cái/hộp	100
209	VT209	Đầu côn có lọc 10ul	96chiếc/hộp, 50hộp/thùng	Hộp	Đầu côn có màng lọc, dung tích 10µl .Dùng để hút và định mẫu bệnh phẩm dùng trong y tế	100
210	VT210	Đầu côn có lọc 200 µl	Hộp 96 cái	Hộp	Đầu tip 200µl, lọc PE, đã được xử lý vô trùng, chống bám dính Chất liệu nhựa Polypropylene. Không silan hóa, không có DNase/RNase, Acid nucleic và chất ức chế PCR trên bề mặt Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường. Đóng gói: 96 cái/hộp	100
211	VT211	Đầu côn 250ul (đóng hộp vô trùng - nuôi cấy vi khuẩn ngoài lao)	Hộp 96 cái	Hộp	Đầu côn 250 µl dùng để hút hóa chất, hút mẫu xét nghiệm - Đầu côn được làm từ nhựa polypropylene . - Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ thường; - Sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	100

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
212	VT212	Kit xét nghiệm vi khuẩn lao kháng RIF		Test	Kit xét nghiệm phát hiện đồng thời DNA của vi khuẩn lao và vi khuẩn lao kháng RIF Độ nhạy: $\geq 99\%$ Độ đặc hiệu: $\geq 95\%$ Số lượng: 10 test/Hộp	10000
213	VT213	Chất pha loãng đậm (Tinh thể N-Acetyl-L-Cystein)	Chai 100g	Lọ	Trạng thái: dạng rắn, màu vàng nhạt. Khối lượng mol: 163,19 g/mol. PH 1,5 - 2,5 (100 g/l, H ₂ O, 20 °C) Tỉ trọng: 1,48 g/cm ³ (20 °C) . Độ nóng chảy: 110,4 °C .Giá trị pH: 1,5 - 2,5 (100 g / l, H ₂ O, 20 °C) Áp suất hơi: <1 hPa (20 °C). Mật độ lớn: 730 kg/m ³ . Độ hòa tan: 179,5 g/l	30
214	VT214	Hóa chất Sodium hydroxide (Tinh thể NaOH tinh khiết)		Chai	Công thức : NaOH Hàm lượng : $\geq 99.5\%$ Giá trị pH : 14 (H ₂ O, 20°C) Chai $\geq 500g$	20
215	VT215	Di natri hydrophosphat (Tinh thể Na ₂ HPO ₄ .2H ₂ O)	Lọ 500g	Lọ	Công thức: Na ₂ HPO ₄ .2H ₂ O Khối lượng phân tử: 141,96 g/mol Điểm nóng chảy: 250 °C ID IUPAC: Sodium hydrogen phosphate Mật độ: 500 kg/m ³ Có thể hòa tan trong: Nước Anion khác: Natri phosphit Chai 500 g	30
216	VT216	Hóa chất Potassium dihydrogen phosphate (KH ₂ PO ₄)		Chai	Công thức : KH ₂ PO ₄ Hàm lượng $\geq 99.5\%$ pH: 4.2 - 4.5 Trạng thái: Chất bột trắng Chai $\geq 250 g$	20
217	VT217	Natri citrat		Lọ	Natri citrat có công thức hóa học là Na ₃ C ₆ H ₅ O ₇ . Có vị mặn, vị chua nhẹ và là một chất kiềm nhẹ. Quy cách: Chai 500gr	20
218	VT218	Acid Acetic đậm đặc	Chai 500ml	Chai	Dung dịch acid acetic, không màu, mùi giấm, tinh khiết 99% dùng trong phòng thí nghiệm. Bảo quản mát, tránh ánh sáng trực tiếp. Chai 500 ml	5
219	VT219	Đầu côn xanh (Đầu côn xanh 1000ul)	1000 cái/ túi	Cái	Đầu côn xanh dung tích 1000 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, Kích thước: 8*69mm. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác. ISO 9001; ISO 13485;	12000
220	VT220	Đầu côn 100 - 1000 µl (đóng hộp vô trùng - nuôi cấy vi khuẩn ngoài lao)	96 cái/ hộp	Hộp	Đầu côn 100 - 1000 µl dùng để hút hóa chất, hút mẫu xét nghiệm - Đầu côn được làm từ nhựa polypropylene . - Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ thường; - Sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	35
221	VT221	Đĩa petri vô trùng 90mm	Đĩa	Cái	Chất liệu nhựa PS tinh khiết 100%, trong suốt, đường kính 90mm, không chia ngăn. Dùng trong nuôi cấy tế bào. Tiệt trùng bằng khí EO.	5000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
222	VT222	Chủng chuẩn Candida albicans ATCC14053	5 que/ bộ	Bộ	-Bộ 5 que - Que cấy ở dạng sẵn sàng sử dụng, có đầu vòng tròn, được dùng 1 lần, chứa vi sinh vật trong nền gel - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chủng chuẩn Candida albicans ATCC14053	1
223	VT223	Chủng chuẩn Pseudomonas aeruginosa ATCC27853	5 que/ bộ	Bộ	- Bộ 5 que - Que cấy ở dạng sẵn sàng sử dụng, có đầu vòng tròn, được dùng 1 lần, chứa vi sinh vật trong nền gel - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chủng chuẩn Pseudomonas aeruginosa ATCC27853	1
224	VT224	Chủng chuẩn Escherichia coli A CT725922	5 que/ bộ	Bộ	-Bộ 5 que - Que cấy ở dạng sẵn sàng sử dụng, có đầu vòng tròn, được dùng 1 lần, chứa vi sinh vật trong nền gel - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chủng chuẩn Escherichia coli ATCC® 25922™*	1
225	VT225	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus ATCC25923	5 que/ bộ	Bộ	-Bộ 5 que - Que cấy ở dạng sẵn sàng sử dụng, có đầu vòng tròn, được dùng 1 lần, chứa vi sinh vật trong nền gel - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chủng chuẩn Staphylococcus aureus ATCC25923	1
226	VT226	Chủng chuẩn Haemophilus influenzae ATCC 49247	5 que/ bộ	Bộ	-Bộ 5 que - Que cấy ở dạng sẵn sàng sử dụng, có đầu vòng tròn, được dùng 1 lần, chứa vi sinh vật trong nền gel - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Que cấy chủng chuẩn Haemophilus influenzae ATCC 49247	1
227	VT227	Khay thử xét nghiệm định tính các kháng nguyên virus		Test	Xét nghiệm nhanh kháng nguyên đường hô hấp bộ kết hợp dùng hóa chất tách chiết các kháng nguyên virus và phương pháp Sandwich kháng thể kép để phát hiện kháng nguyên protein nucleocapsid từ SARS-CoV-2, vi rút Cúm A, vi rút Cúm B, RSV và ADV trong các mẫu bệnh phẩm lấy từ dịch tự hầu. - Dạng khay bốn (4 khay) - Hiệu suất làm sàng so với xét nghiệm RT-PCR tham chiếu: Covid-19, Cúm A, Cúm B, ADV và RSV - Độ nhạy Covid-19: 95.74% ; Độ đặc hiệu Covid-19: 99.28% ; Độ chính xác: 97.85% - Độ nhạy cúm A: 93.14% ; Độ đặc hiệu cúm A: 98.40% ; Độ chính xác: 97.62% - Độ nhạy cúm B: 94.20% ; Độ đặc hiệu cúm B: 98.59 % ; Độ chính xác: 97.87% - Độ nhạy RSV: 93.07% ; Độ đặc hiệu RSV: 99.00% ; Độ chính xác: 97.20% - Độ nhạy ADV: 92.30% ; Độ đặc hiệu ADV: 99.33% ; Độ chính xác: 97.20%	10000
228	VT228	Acid Clohydric (HCl)	Chai 500ml	Chai	Công thức hoá học: HCl. Quy cách: chai 500ml	40
229	VT229	Anti A	Lọ 10ml	Lọ	Anti-A: Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-A 500100 (1,0ml) - Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác : 100%	30
230	VT230	Anti AB	Lọ 10ml	Lọ	Anti-AB: Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-A B-B-2D7 (1,0ml) - Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác : 100%	30

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
231	VT231	Anti B	Lọ 10ml	Lọ	Anti-B: Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai B501100 (1,0ml) - Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác : 100%	30
232	VT232	Anti D	Lọ 10ml	Lọ	Anti-D (Rho): Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti D BS225 (1,0ml). Thuốc thử Anti-D (Rho) là hỗn hợp gồm cả kháng thể đơn dòng IgM và IgG kháng nguyên D - Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác : 100%	30
233	VT233	Bộ nhuộm huỳnh quang	Bộ	Bộ	Bộ nhuộm mycobacteria - Dùng để nhuộm mycobacteria bằng quy trình nhuộm huỳnh quang - Bộ thuốc thử (công thức tương ứng trên 1 Lít) tối thiểu bao gồm: + 1 chai TB Auramine M: 250 mL + 1 chai TB Khử màu TM: 250 mL + 1 chai TB Potassium Permanganate: 250 mL	100
234	VT234	Chỉ thị kiểm soát gói hơi nước	400 chỉ thị/ hộp	Chỉ thị	Chỉ thị hóa học loại 5 kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn hơi nước. Đánh giá 3 thông số: Nhiệt độ, thời gian, hơi nước. Phù hợp chương trình tiệt khuẩn 121°C tới 135°C. 20 chỉ thị/ tờ. Kích thước chỉ thị: 65 * 14 mm. Sự đổi màu từ vàng sang đen	25000
235	VT235	Cồng đựng mẫu dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	500 cái/ túi	Cái	Cốc đựng mẫu, Chất liệu: polystyrene (PS). Kích thước: (dài) 3.8cm x (đường kính miệng) 1.6cm Tương thích với máy sinh hóa tự động	20000
237	VT237	Dây garo	1 cái/ túi	Cái	Dây garo chất liệu thun cotton	3000
238	VT238	Dây garo có dính	Túi 10	Cái	Sản phẩm được làm bằng thun, chất liệu cao su co giãn tốt, có băng gai dính 2 đầu	60
239	VT239	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	Hộp 25 test	Test	Phát hiện, phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng vi rút sốt xuất huyết tuýp I, II, III và IV trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần của người. Phức hợp kháng nguyên đặc hiệu vi rút sốt xuất huyết và vàng được đặt ở vùng cộng hợp, và kháng thể kháng IgG và IgM người được cố định trên màng - Độ nhạy: 98.29% (IgG), 97.92% (IgM), Độ đặc hiệu: 97.76% (IgG), 100% (IgM) so với thử nghiệm ELISA - Giới hạn phát hiện: IgG: 1.16 ± 0.02 ratio, IgM :0.86 ± 0.02 ratio - Các chất gây nhiễu không ảnh hưởng đến kết quả: Hemoglobin, Bilirubin, Triglycerid - Các chất chống đông như heparin, EDTA và natri citrat không ảnh hưởng đến kết quả thử nghiệm - Đạt tiêu chuẩn ISO & Korea FSC & KGMP - Bảng dữ liệu an toàn sinh học do TURKAK, IAF chứng nhận	2000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
240	VT240	Dengue virus NS1 Ag test nhanh	25 Test/Hộp	Test	- Định tính phát hiện kháng nguyên NS1 của vi rút sốt xuất huyết trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần của người bằng phương pháp sắc ký miễn dịch. Phức hợp kháng thể đặc hiệu vi rút sốt xuất huyết và vàng được đặt ở vùng cộng hợp, và kháng thể kháng kháng nguyên NS1 được cố định trên màng - Độ nhạy tương đối: 97.16%; Độ đặc hiệu tương đối: 100% so với phương pháp RT-PCR - Giới hạn phát hiện: Tuýp 2: 0.006125 µg/ml, tuýp 3: 0.00153125 µg/ml, tuýp 4: 0.006125 µg/ml - Không có phản ứng chéo Corynebacterium diphtheria, Hemophilus influenzae, Staphylococcus aureus, Streptococcus pneumoniae, Streptococcus pyogenes (1×10^8 CFU/ml), Adenovirus tuýp 3, Vi rút cúm A, B, Vi rút Sởi, Vi rút parainfluenza tuýp 1,2,3, Vi rút hợp bào hô hấp, Rotavirus, Rubella Virus, Vi rút viêm não Nhật Bản (1×10^4 pfu/ml) - Các chất gây nhiễu không ảnh hưởng đến kết quả: Hemoglobin, Bilirubin, Triglycerid - Các chất chống đông như heparin, EDTA và natri citrat không ảnh hưởng đến kết quả thử nghiệm - Đạt tiêu chuẩn ISO & Korea FSC & KGMP - Bảng dữ liệu an toàn sinh học do TURKAK, IAF chứng nhận - Xuất xứ: OECD	2000
241	VT241	Giấy in nhiệt (giấy in cho máy thử nước tiểu)	10 cuộn/ túi	Cuộn	Giấy in nhiệt, Kích thước 57mm x 30mm.	1000
242	VT242	Giemsa mẹ	Chai 1000ml	Chai	Nhuộm Giemsa được sử dụng chủ yếu trong nhuộm máu và phát tể bào tủy xương. Độ pha loãng khuyến nghị 1:10 hoặc 1:15 trong dung dịch đệm Sorensen phosphate pH 6,5-6,8	30
243	VT243	Giemsa mẹ	Chai 500ml	Chai	Thành phần dung dịch gồm có: Metanol: <50% Glycerol: <25% Ethylene Glycol: <25% Điểm sôi >65 °C (1013 hPa) Khối lượng phân tử: 0.99 g/cm ³ (20 °C) Điểm chớp cháy: 18 °C Nhiệt độ cháy: 455 °C pH 6.0 - 8.2 (H ₂ O, 20 °C), Xuất xứ G7	15
244	VT244	Hóa chất Hydrogen peroxide 3% (Dung dịch H ₂ O ₂)	Chai/ 500ml	Chai	Hóa chất thí nghiệm Công thức hoá học: H ₂ O ₂ .	5
245	VT245	Hóa chất nhuộm dùng trong y tế (xanh cresyl)	100 mL	Chai	Thuốc nhuộm xanh Cresyl. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	2

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
246	VT246	Influenza virus A,B test nhanh	20 test/hộp	Test	- Xét nghiệm sắc ký miễn dịch nhanh để phát hiện định tính các kháng nguyên cúm A và B trong các mẫu bệnh phẩm từ dịch tiết ở mũi. - Loại A: Tương quan với RT-PCR: Độ nhạy: 82%, Độ đặc hiệu: 100%, độ chính xác 95,9% - Loại B: Tương quan với RT-PCR: Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 100%, độ chính xác ; 100% - Đọc kết quả trong 8 phút. - Kit thử ổn định nhất 5 tuần khi ở nhiệt độ 60 độ C - Kết quả thử nghiệm vẫn có thể đáp ứng các tiêu chí chấp nhận được sau khi sản phẩm tiếp xúc với độ ẩm 20~30%, 50~60% và 70~80% trong 8 giờ khi mở sản phẩm - Đạt chứng nhận ISO, EUFSC	10000
247	VT247	Ống ly tâm 15ml (Ống fancel 15 ml vô trùng có nắp vận)	25 cái/gói	Cái	Hình dạng: ống chóp Chất liệu ống: PP (polypropylene ultra clear) Chất liệu nắp: HDPE Dung tích đầy : 0.1 ~ 1 mL Khoảng đầy : 0.1 mL Vạch chia : 1.5 ~ 14.5 mL Vạch chia nhỏ : 0.5 mL Chung áp : 121°C Làm lạnh : -20°C RCF tối đa : 21,800xg RPM tối đa : 15,000rpm	2000
248	VT248	Que cấy nhựa vô trùng	Túi 25 que	Cái	Túi 25 cái Chất liệu: nhựa HIPS chánh phẩm, chất liệu mềm dẻo dễ dàng lấy mẫu cấy vi sinh mà không ảnh hưởng đến môi trường cấy, màu vàng cam. Đầu que cấy vi sinh tròn 10 µl, không bavia, lý tưởng cho các quy trình cấy vi sinh, lấy mẫu đạt độ chính xác cao. Đóng gói kín, không thấm nước ngăn chặn hơi ẩm ô nhiễm. Vô trùng bằng tia gamma	60000
249	VT249	Que thử nước tiểu 10 thông số		Test	Que thử dùng cho máy Siemens - Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Nitrite, Protein, Urobilinogen, Leukocyte, SG. - Dải đo của các chỉ số: Protein: 15-30mg/dL albumin Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin Leukocyte: 5-15 Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid pH: 4.6- 8.0 SG: 1.001-1.035 Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL Urobilinogen: 0.2EU/dL	20000
250	VT250	Que thử nước tiểu 10 thông số		Test	"- Que thử nước tiểu 10 thông số sử dụng được cho máy xét nghiệm nước hãng Roche. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 Tương thích với máy Urisys 1100 Roche Diagnostics của Bệnh viện.	3000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
251	VT251	Rotavirus test nhanh	Hộp 20 test	Test	Phát hiện kháng nguyên vi rút Rota nhóm A trong mẫu phân người. Xét nghiệm sử dụng một kháng thể đa dòng để phát hiện nhóm protein đặc hiệu bao gồm các protein capsid lớn bên trong (VP6), có ở vi rút Rota nhóm A. Lốp màng được bọc bởi kháng thể đa dòng đặc hiệu với vi rút Rota tại vùng thụ của màng - Độ nhạy tương đối: 94%, Độ đặc hiệu tương đối: 93.8% so với xét nghiệm ELA - Kháng thể đa dòng thô kháng Rotavirus (1,0±0,2 µg)- Kháng thể IgG dê kháng chuột (1,0±0,2 µg) - Kháng thể đơn dòng chuột kháng Rotavirus - liên hợp vàng (1±0,2 µg) - Không phản ứng chéo với Albumin huyết thanh bò, Escherichia coli, Enterococcus faecalis - Các chất gây nhiễu không ảnh hưởng đến kết quả: Salmonella typhimurium, Shigella flexneri, Shigella sonnei, Staphylococcus aureus (chủng Cowan sản xuất protein A) - Giới hạn phát hiện: 1.224 × 103 TCID50/ml - Hồ sơ công bố TTBYT thuộc loại B - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, Korea FSC, KGMP - Bàng dữ liệu an toàn sinh học do TURKAK, IAF chứng nhận - Xuất xứ: OECD	2500
252	VT252	Test chẩn đoán nhanh kháng thể IgG/IgM kháng Lao trong huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu toàn phần	30 Test/Hộp	Test	Định tính phát hiện đồng thời và phân biệt kháng thể IgM và IgG kháng Mycobacterium Tuberculosis (M.TB). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC - Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, mẫu toàn phần - Độ nhạy tương quan: 87.2%, - Độ đặc hiệu tương quan: 94.6% - Độ chính xác tương quan: 93.2% - Khay thử bao gồm: - Vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp kháng nguyên M. TB tái tổ hợp (M. TB conjugates) và cộng hợp kháng thể kiểm chứng. - Vạch M: kháng thể IgM kháng người (anti-human) để phát hiện kháng thể IgM kháng M. TB - Vạch G: phủ sẵn thuốc thử để phát hiện kháng thể IgG kháng M. TB - Vạch C: phủ sẵn kháng thể kiểm chứng. - Không phản ứng chéo: CMV, Sốt rét, HCV, HIV, Giang mai, ANA, HAMA, RF (lên tới 2500 IU/ml) - Bảo quản nhiệt độ thường	5000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
253	VT253	TEST NHANH Adeno virus	20 test/hộp	Test	Xét nghiệm hiện định tính các kháng nguyên Adenovirus từ các mẫu bệnh phẩm mũi họng của con người (gạc, rửa mũi họng và hút). Bảo quản ở (2-30°C). Thử nghiệm ổn định cho đến ngày hết hạn được in trên túi niêm phong. Độ hiệu cao (>99%), độ nhạy (>99%) Không có phản ứng chéo với các mầm bệnh đường hô hấp thông thường, các sinh vật và chất khác đôi khi có trong các mẫu dịch mũi họng: Vi-rút thể hợp bào gây bệnh lý hô hấp, Cúm loại A và loại B - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, 2FSC G7	2000
254	VT254	Xét nghiệm nhanh chẩn đoán nhiễm HIV	Test	Test	- Định tính phân biệt kháng thể kháng HIV loại 1 và loại 2 trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần của người bằng phương pháp sắc ký miễn dịch. Khay thử chứa lớp màng đã được phủ hỗn hợp kháng nguyên HIV1/2 tái tổ hợp (loại 1: p24, gp41 và loại 2: gp36) thích hợp trên vùng thử - Dạng khay (cassette) - Độ nhạy tương đối: 100 %, Độ đặc hiệu tương đối: 99,75 % so với phương pháp RT-PCR. - Thể tích mẫu: 10 µL cho huyết thanh/huyết tương và 20 µL cho máu toàn phần - Không phản ứng chéo với HBsAg, Anti-HBs, HCV, Giang mai - Giới hạn phát hiện: 1.0 s/CO - Đọc kết quả sau 10-15 phút. Không đọc kết quả sau 20 phút - Đạt tiêu chuẩn ISO & Korea FSC & KGMP - Bảng dữ liệu an toàn sinh học do TURKAK, IAF chứng nhận - Xuất xứ: OECD	20000
255	VT255	Test nhanh chuẩn đoán viêm gan B	Hộp 50 test	Test	- Định tính kháng nguyên vi rút viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương người bằng phương pháp sắc ký miễn dịch - Dạng khay (cassette) - Độ nhạy lâm sàng: 100%, Độ đặc hiệu lâm sàng: 100% so với Thử nghiệm CMIA - Giới hạn phát hiện 0.22 IU/mL. - Hiệu ứng móc câu liều cao: Không có hiệu ứng móc đến nồng độ 112.05 IU/ml (cao gấp khoảng 509 lần giới hạn phát hiện) - Không phản ứng chéo: Adenovirus, Vi rút CÚM A,B, Parainfluenza, Vi rút hợp bào hô hấp, HAV, Escherichia coli , Haemophilus influenzae , Neisseria gonorrhoeae , Proteus vulgaris , Pseudomonas aeruginosa , Staphylococcus, Streptococcus - Các chất gây nhiễu không ảnh hưởng đến kết quả: Hemoglobin, Bilirubin liên hợp, Bilirubin tự do, Triglycerid, Kháng thể người kháng chuột, Yếu tố dạng thấp, Acetaminophen, Axit acetylsalicylic, Ibuprofen, Vitamin, Caffein, ... - Chứng nhận ISO & Korea FSC & KGMP - Bảng dữ liệu an toàn sinh học do TURKAK, IAF chứng nhận - Xuất xứ: OECD	15000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
256	VT256	Test nhanh phát hiện viêm gan C	Test		- Định tính kháng thể kháng virus viêm gan C trong huyết thanh hay huyết tương ở người bằng phương pháp sắc ký miễn dịch. Khay thử gồm lớp màng đã được phủ hỗn hợp kháng nguyên HCV tái tổ hợp (core, NS3, NS4, NS5) thích hợp trên vùng thử. - Dạng khay (cassette) - Độ nhạy tương đối: 100 %, độ đặc hiệu tương đối: 99 % so với phương pháp miễn dịch phóng xạ (RIA) - Giới hạn phát hiện: 2.0 s/CO - Hiệu ứng móc câu liều cao: Không có hiệu ứng móc đến nồng độ 17.00 s/co - Thể tích mẫu: 10 μL - Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (core, NS3, NS4, NS5), vàng cộng hợp (1.0$\pm$0.2 μg), Kháng thể IgG lớn – vàng cộng hợp (2.0$\pm$0.4 μg), Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (core, NS3, NS4, NS5)(1.0$\pm$0.2 μg) - Không có phản ứng chéo với các vi sinh vật và vi rút: Cytomegalovirus IgG/IgM, Chikungunya virus IgG/IgM, Dengue virus IgG, Epstein-Barr virus IgG, Herpes Simplex Virus, Leishmania IgG, Parvovirus B19 IgG/IgM, Tick borne encephalitis IgG, Varicella zoster virus IgG/IgM, West Nile Virus IgM, Zika virus IgG/IgM, Chagas, Lyme IgG/IgM, HAV, HBsAg, HIV 1, HIV 2 - Đạt tiêu chuẩn ISO & Korea FSC & KGMP - Bảng dữ liệu an toàn sinh học do TURKAK, IAF chứng nhận - Xuất xứ: OECD	3000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
257	VT257	Khay thử xét nghiệm phát hiện Virus hợp bào hô hấp (RSV)	Hộp 20 test	Test	Thử nghiệm phát hiện định tính các kháng nguyên RSV từ các mẫu bệnh phẩm mũi họng của con người (gạc, rửa mũi họng và hút), dạng khay. Không có phản ứng chéo với các mầm bệnh đường hô hấp thông thường, các sinh vật và chất khác đôi khi có trong các mẫu dịch mũi họng: Cúm typ A, Cúm typ B, Adenovirus * Thành phần: - Kháng thể đơn dòng chuột chống lại vi-rút hợp bào hô hấp - polystyrene latex màu đỏ. - polystyrene latex xanh. - Màng nitrocellulose. - Kháng thể đặc chống lại immunoglobulin chuột. - Liên hợp vàng. * Thành phần tám - Kháng thể đơn dòng kháng virus hợp bào hô hấp của chuột. - Anti-Rabbit IgG * Độ nhạy, độ đặc hiệu: - Độ nhạy = 95% (CI%:95%: 73,97% đến 99,87%) - Độ đặc hiệu = 100,00% (CI%:95%: 69,15% đến 100,00%) - Độ chính xác= 96,55% (CI%:95%:82,24% đến 99,91%) * Giới hạn phát hiện: 50ng/ml - Tuổi thọ 23 tháng - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, 2FSC G7	3000
258	VT258	Test nhanh thử viêm gan B	Hộp 100 test	Test	Phát hiện định tính kháng nguyên HBV trong mẫu huyết thanh, huyết tương người. Dạng: Strip. Que thử có thành phần gồm cộng hợp vàng kháng thể đơn dòng và một pha rắn kháng thể đơn dòng có liên kết chọn lọc với kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B với độ nhạy cao. Kháng thể IgG dễ kháng chuột (2 ±0,4μl); Kháng thể kháng HBsAg (4 ±0,8μl); Chất keo vàng - kháng thể kháng HBsAg ((1 ±0,2μl). Độ nhạy: 99,8 %, Độ đặc hiệu: 99,85 %, Độ chính xác: 99,8%. Giới hạn phát hiện: 0,5 ng/ml	15000
259	VT259	Tinh thể Auramine O	Chai 25 g	gram	Là một loại thuốc nhuộm diarylmetan được dùng để nhuộm huyền quang trong sinh học. Ở dạng tinh khiết, tinh thể Auramine O có hình kim màu vàng. Nó rất dễ tan trong nước và có thể tan trong	500
260	VT260	Tinh thể Fucsin	Chai 25g	Chai	Hình thể: Tinh thể màu xanh đậm Khối lượng mol: 585.54 g/mol Độ hòa tan: 20 ppm trong nước axit hóa thu được dung dịch màu đỏ trong suốt Chuyển đổi pH trực quan: pH= 12 (đỏ) đến pH= 14 (không màu) Chai 25 g	10
261	VT261	Tinh thể Phenol	Lọ 500g	Lọ	Có công thức phân tử là C6H5OH. Phân tử bao gồm một nhóm phenyl (-C6H5) liên kết với một nhóm hydroxyl (-OH). Đóng lọ 500g, Dùng cho máy huyền quang và nuôi cấy. Tinh thể Dạng hạt	20

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
262	VT262	Tinh thể Xanh methylen 100g	Lọ 100g	Chai	Dạng chất rắn dạng bột màu xanh. Xanh methylen được dùng như một chất nhuộm để làm một số chất dịch và mô trong cơ thể được nhìn thấy dễ dàng hơn trong quá trình phẫu thuật hoặc chụp x-quang hoặc trong các xét nghiệm chẩn đoán khác. Quy cách: Chai thủy tinh 100g. Công thức: $C_{16}H_{18}ClN_3S \cdot x H_2O$	10
263	VT263	Micropipet 0.5-10 μ l		Cái	- Hộp 1 cái - Thiết kế tay cầm phù hợp cho cả tay trái và tay phải - Điều chỉnh thể tích bằng một tay dễ dàng, hệ thống khóa tự động ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình thao tác - Bộ đếm 4 chữ số cho độ chính xác cao hơn - Hoàn toàn có thể hấp tiết trùng và chống tia cực tím để bảo vệ mẫu khỏi nhiễm bẩn - Hiệu chuẩn dễ dàng trong phòng thí nghiệm - Thẻ tích sử dụng: 0,5 - 10 μ L - Mỗi cây pipettor được kiểm tra và cung cấp cùng với phiếu kiểm định chất lượng - Độ chính xác: ± 4 đến $\pm 1\%$ - Độ lặp lại: $\leq 2,8$ đến $\leq 0,4\%$	4
264	VT264	Micropipet 10 μ l - 100 μ l	1 cái/hộp	Cái	- Hộp 1 cái - Thiết kế tay cầm phù hợp cho cả tay trái và tay phải - Điều chỉnh thể tích bằng một tay dễ dàng, hệ thống khóa tự động ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình thao tác - Bộ đếm 4 chữ số cho độ chính xác cao hơn - Hoàn toàn có thể hấp tiết trùng và chống tia cực tím để bảo vệ mẫu khỏi nhiễm bẩn - Hiệu chuẩn dễ dàng trong phòng thí nghiệm - Thẻ tích sử dụng: 10 - 100 μ L - Mỗi cây pipettor được kiểm tra và cung cấp cùng với phiếu kiểm định chất lượng - Độ chính xác: $\pm 3,0$ đến $\pm 0,8\%$ - Độ lặp lại: $\leq 1,0$ đến $\leq 0,2\%$	4
265	VT265	Micropipet 200 μ l	1 cái/hộp	Cái	- Hộp 1 cái - Thiết kế tay cầm phù hợp cho cả tay trái và tay phải - Điều chỉnh thể tích bằng một tay dễ dàng, hệ thống khóa tự động ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình thao tác - Bộ đếm 4 chữ số cho độ chính xác cao hơn - Hoàn toàn có thể hấp tiết trùng và chống tia cực tím để bảo vệ mẫu khỏi nhiễm bẩn - Hiệu chuẩn dễ dàng trong phòng thí nghiệm - Thẻ tích sử dụng: 200 μ L - Mỗi cây pipettor được kiểm tra và cung cấp cùng với phiếu kiểm định chất lượng - Độ chính xác: ± 4 đến $\pm 1\%$ - Độ lặp lại: $\leq 2,8$ đến $\leq 0,4\%$	1

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Tính năng, thông số kỹ thuật	Số lượng
266	VT266	Micropipet 100-1000 µl	1 cái/hộp	Cái	- Hộp 1 cái - Thiết kế tay cầm phù hợp cho cả tay trái và tay phải - Điều chỉnh thể tích bằng một tay dễ dàng, hệ thống khóa tự động ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình thao tác - Bộ đếm 4 chữ số cho độ chính xác cao hơn - Hoàn toàn có thể hấp diệt trùng và chống tia cực tím để bảo vệ mẫu khỏi nhiễm bẩn - Hiệu chuẩn dễ dàng trong phòng thí nghiệm - Thể tích sử dụng: 100 - 1000 µL - Mỗi cây pipettor được kiểm tra và cung cấp cùng với phiếu kiểm định chất lượng - Độ chính xác: ± 2.5 đến $\pm 0.6\%$ - Độ lặp lại: ≤ 0.6 đến $\leq 0.2\%$	4
267	VT267	Ống ly tâm 50ml (Ống fancel 50 ml vô trùng có nắp vận)	25 chiếc/túi, (túi zip liên miêng)	Cái	(Ống fancel 50 ml vô trùng có nắp vận). Thể tích: 50mL, Chất liệu : nhựa Polypropylene(PP) - Kích thước (đường kính x chiều dài): khoảng 29.1 x 114.4 mm - Lực ly tâm tối đa: 17.000 xg - Chịu được nhiệt độ từ -80°C đến 120°C - Có vạch chia thể tích, Các vạch chia độ được in màu đen với dải đánh dấu lớn để dễ dàng ghi nhận. - Kiểu nắp: nắp phẳng, Kiểu đáy: hình nón , Nắp vận chắc chắn, không bị tràn đổ khi thao tác kỹ thuật	15000
268	VT268	Pipet 3ml tiết trùng	1 cái/túi	Cái	Pipet pasteur có vạch chia, miệng hút rộng ≥ 2 mm Thể tích đo: 3ml, vạch mức 0,5ml Chất liệu: PE Kích thước: dài 160mm, tiết trùng từng cái, đóng gói riêng mỗi cái 1 túi riêng	30000
269	VT269	Phễu inox hình nón		Cái	CHẤT LIỆU INOX, KHANG HOA CHẤT ẨM MÒN	10
270	VT270	Bình cầu thủy tinh		Cái	CHẤT LIỆU THỦY TINH DÀY, CÓ THỂ DÙNG ĐỂ HẤP ỨT, ĐÁY BẰNG ĐẶT ĐƯỢC TRÊN MẶT PHẪNG, THỂ TÍCH 1000ML	10
271	VT271	Bô can thủy tinh		Cái	CHẤT LIỆU THỦY TINH DÀY, CÓ KHẢ NĂNG CHỊU NHIỆT CAO VÀ KHÁNG HÓA CHẤT TỐT. KÍCH THƯỚC 150X 380MM	10
272	VT272	Giấy chỉ thị nhiệt		Cuộn	Bảng chỉ thị nhiệt dùng trong tiết khuẩn hơi nước dùng để: - Có định gói dụng cụ chắc chắn - Phân biệt gói dụng cụ đã qua tiết khuẩn hay chưa • Kích thước: 18mm x 55m • Thành phần: - Saturated Crepe paper 40-50%, Adhesive 10-20%, Acrylic Polymer 2-5%, Steam indicator ink 0.5- 2%. • Đạt tiêu chuẩn chứng nhận FDA, ISO 13485-2016	4
273	VT273	Test nhanh kháng nguyên Covid-19		Cái	Định tính phát hiện kháng nguyên nucleocapsid SARS-CoV-2 trong mẫu dịch tỵ hầu hoặc dịch mũi - Dịch tỵ hầu: (Độ nhạy $\geq 90\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$) so với xét nghiệm tham chiếu (RT-PCR Test) - Dịch mũi: (Độ nhạy $\geq 91,2\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$) so với xét nghiệm tham chiếu (RT-PCR Test)	3000
274	VT274	Que tăm bông bệnh phẩm vô trùng		Cái	Thân que bằng nhựa hoặc bằng gỗ, 1 đầu gòn, tiết trùng từng cây, dài 16cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	3000

Tính năng, thông số kỹ thuật					Số lượng
STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	
275	VT275	Buồng đếm Neubauer		Cái	2
		Buồng đếm Neubauer cải tiến, có hai vùng buồng đếm được thiết kế tách biệt nhau. Mỗi vùng buồng đếm nằm trong một vùng lưới ô vuông nhỏ có kích thước 3 x 3 mm. Mỗi buồng đếm được chia thành 9 lưới ô vuông kích thước 1 x 1 mm xem hình. Mỗi trong số chín ô vuông này lại được chia thành các ô vuông có kích thước nhỏ hơn. Trong đó ô số 5 ở giữa còn được chia thành các lưới ô vuông nhỏ hơn nữa. Đầu tiên nó được chia thành 25 ô vuông, sau đó mỗi trong số 25 ô vuông này được chia thành 16 ô vuông nhỏ hơn. Độ sâu của buồng đếm Neubauer cải tiến là 100 micrometer, thể tích một ô vuông lớn là 100 nl. Thể tích của một hàng trong lưới ô số năm được giới hạn bởi ba đường gạch lớn, và gồm 5 ô vuông lớn là 20 nl.			
276	VT276	Dung dịch KOH 20%; chai ≥ 500 ml		Chai	4
277	VT277	Mực tàu		ml	1000
278	VT278	Bi thủy tinh		kg	1
279	VT279	Phin lọc khuôn dùng cho máy đo chức năng hô hấp	Túi 1 cái	Cái	40000
		- Đường kính trong đầu cắm vào máy: 27.0; 28.0; 29.5; 30.0; 30.5 mm - Đường kính ngoài đầu cắm vào bệnh nhân: 29.5 mm - Trở kháng: 15 pa tại 30 lít / phút - Hiệu quả lọc khuôn: 99.99% - Đóng gói: 01 cái / túi tiệt trùng, 100 cái / thùng			